

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
1	Lê Thị Ngọc	An	18149002	12/10/2000	9,00	8,60	8.80	x
2	Nguyễn Thị	An	19113003	10/05/2001	5,40	8,80	7.10	x
3	Vũ Hoài	An	18138002	06/10/2000	4,40	6,60	5.50	
4	Huỳnh Thanh	An	18112001		7,20	8,10	7.70	x
5	Lê Thị Thúy	An	17128004	28/11/1999	7,20	5,50	6.40	x
6	Đỗ Nữ Quỳnh	An	20125310	19/10/2002	7,20	6,50	6.90	x
7	Nguyễn Tấn	An	19124004	09/05/2001	7,00	6,90	7.00	x
8	Phan Châu Xuân	An	18131001	17/01/2000	7,60	5,00	6.30	x
9	Tạ Thị Ngọc	An	18120003	17/08/2000	7,40	7,10	7.30	x
10	Trương Thị Mỹ	An	19125476	23/05/2001	6,20	7,10	6.70	x
11	Võ Thị Thùy	An	18123002	04/09/2000	7,00	7,60	7.30	x
12	La Quốc	Anh	17145003	25/04/1999	6,20	5,80	6.00	x
13	Lưu Thị Nguyễn	Anh	18131002	12/05/2000	5,00	7,40	6.20	x
14	Đặng Hoàng	Anh	19116003	11/09/2001	6,80	8,10	7.50	x
15	Nguyễn Ngọc Đoan	Anh	17154004	24/01/1999	6,00	7,80	6.90	x
16	Nguyễn Quang	Anh	17131007	20/08/1999	8,20	9,10	8.70	x
17	Nguyễn Huỳnh	Anh	19125009	26/02/2001	7,20	7,00	7.10	x
18	Nguyễn Minh	Anh	19122003	29/06/2001	6,80	7,10	7.00	x
19	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	18120008		7,00	9,10	8.10	x
20	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	19123006	12/03/2001	7,00	6,90	7.00	x
21	Nguyễn Tuấn	Anh	18124005	03/09/2000	6,80	9,30	8.10	x
22	Nguyễn Tú	Anh	18149005	28/08/2000	9,00	7,40	8.20	x
23	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	18120010		5,80	9,00	7.40	x
24	Nguyễn Thị Kim	Anh	19122005	16/05/2001	7,20	7,60	7.40	x
25	Nguyễn Vân	Anh	19125011	01/12/2001	7,60	6,00	6.80	x
26	Phạm Tuấn	Anh	18154006	10/01/2000	5,60	5,50	5.60	x
27	Phạm Thị Vân	Anh	18125011	28/08/2000	8,00	8,00	8.00	x
28	Thái Tú	Anh	19120008	19/12/2001	7,80	9,60	8.70	x
29	Trà Nguyễn Quế	Anh	17139006	09/09/1999	7,40	7,40	7.40	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
30	Trương Thế	Anh	19116007	10/08/2001	7,20	9,10	8.20	x
31	Nguyễn Thị	Ngọc	18163002	25/08/2000	7,20	8,00	7.60	x
32	Võ Thị	Ngọc	18125017	10/02/2000	6,40	8,10	7.30	x
33	Thị	Aysá	19125566	15/10/2000	6,80	7,40	7.10	x
34	Nguyễn Thành	Băng	19118006	16/01/2001	6,60	7,60	7.10	x
35	Cù Ngọc	Bảo	16113006	12/09/1998	5,00	7,40	6.20	x
36	Lê Bảo	Bảo	19116009	24/12/2001	7,80	8,00	7.90	x
37	Đặngphước	Bảo	17113007	31/08/1999	6,40	6,60	6.50	x
38	Đỗ Trọng	Bảo	19115007	03/10/2001	4,40	6,60	5.50	
39	Ngô Quốc	Bảo	19124027	27/06/2001	7,20	8,10	7.70	x
40	Nguyễn Hoàng	Bảo	19125023	19/10/2001	7,80	9,60	8.70	x
41	Nguyễn Tiểu	Bảo	19118013	20/09/2001	4,40	5,00	4.70	
42	Nguyễn Thái	Bảo	19163002	15/05/2001	8,00	7,10	7.60	x
43	Phạm Chí	Bảo	17149007	12/06/1999	5,20	6,00	5.60	x
44	Phạm Việt	Bảo	17112009	25/11/1999	8,00	9,10	8.60	x
45	Nguyễn Thị Thúy	Bay	20120164	12/04/2002	6,60	7,40	7.00	x
46	Võ Thị Như	Bích	19126013	09/10/2001	7,20	7,50	7.40	x
47	Nguyễn Chí	Bình	19145006	10/05/2000	4,40	5,80	5.10	
48	Nguyễn Thanh	Bình	18112019		8,80	7,40	8.10	x
49	Thái Xuân	Bình	18111013		8,80	7,80	8.30	x
50	Võ Thị	Bình	17125020	02/06/1999	4,20	1,00	2.60	
51	Nguyễn Thành	Công	18116010		5,80	3,80	4.80	
52	Hồthị Kim	Cương	18126017	05/03/2000	9,00	7,40	8.20	x
53	Huỳnh Thị Kim	Cương	19149010	19/09/2000	8,80	9,50	9.20	x
54	Trần Đức	Cương	19113018	18/10/2001	6,00	5,00	5.50	x
55	Huỳnh Tấn	Cường	19137009	04/04/2001	6,80	6,40	6.60	x
56	Lê Mạnh	Cường	19138006	25/09/2001	5,80	6,80	6.30	x
57	Nguyễn Chí	Cường	18154015	26/03/2000	7,80	7,10	7.50	x
58	Nguyễn Long	Cường	19137011	24/08/2001	7,00	8,60	7.80	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC**Đợt thi tháng 04 năm 2022****Môn thi: Excel - P2**

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
59	Trần Thanh	Cường	19116017	26/03/2001	5,00	3,50	4.30	
60	Nông Thị Kim	Cúc	18112028		8,00	5,50	6.80	x
61	Nguyễn Đỗ Kim	Cúc	19124037	18/12/2001	6,40	6,60	6.50	x
62	Kiều Ngọc	Châu	18116008		7,00	9,10	8.10	x
63	Lê Thị Ngọc	Châu	18122018	04/11/2000	9,00	8,60	8.80	x
64	Trần Lê Minh	Châu	18111017		7,00	7,90	7.50	x
65	Dương Linh	Chi	17120015	26/07/1999	6,00	5,00	5.50	x
66	Nguyễn Ngọc	Chi	14115008	07/03/1996	6,80	8,10	7.50	x
67	Trương Thị Mỹ	Chi	16122400	15/09/1998	7,80	5,80	6.80	x
68	Lê Ngô	Chí	19137006	28/02/2001	7,80	6,30	7.10	x
69	Phạm Minh	Chí	18154013	06/11/1999	6,00	6,00	6.00	x
70	Nguyễn Đoàn Công	Chiến	19118020	17/12/2001	6,80	4,30	5.60	
71	Trương Minh	Chiêu	19122015	19/03/2001	8,40	6,40	7.40	x
72	Huỳnh Trung	Chính	19145008	11/10/2001	7,80	7,00	7.40	x
73	Trần Ngọc	Chính	16112242	01/07/1998	7,60	5,30	6.50	x
74	Lâm Tấn	Chương	19122017	06/02/2001	8,00	8,00	8.00	x
75	Tạ Đức Cao	Chương	18118012		8,00	7,40	7.70	x
76	Hà Thị Kim	Chung	18128018	10/01/2000	7,80	5,00	6.40	x
77	Hoàng Tư	Chung	19113015	24/03/2001	6,20	7,00	6.60	x
78	Nguyễn Đức	Chung	19124036	07/11/2001	9,00	6,90	8.00	x
79	Nguyễn Công	Danh	18118017		7,00	7,10	7.10	x
80	Nguyễn Tấn	Danh	13125945	01/10/1995	8,20	7,60	7.90	x
81	Danh Thị Kiều	Diễm	18112342		5,60	3,50	4.60	
82	Lê Thị	Diễm	19112244	20/03/2001	8,00	6,90	7.50	x
83	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	19120025	26/12/2001	6,60	6,00	6.30	x
84	Trần Kiều	Diễm	17139021	08/02/1999	5,80	8,10	7.00	x
85	Trần Thị Mỹ	Diễm	17112315	20/07/1999	9,00	7,10	8.10	x
86	Hồ Nữ Thuý	Diệu	19139018	24/05/2001	7,40	6,90	7.20	x
87	Lê Thị Hằng	Diệu	17131020	24/01/1999	6,20	8,50	7.40	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
88	Nguyễn Thị	Diệu	19111016	25/10/2001	7,60	7,00	7.30	x
89	Trần Thị Mỹ	Diệu	17128018	26/04/1999	7,60	8,00	7.80	x
90	Nguyễn Hữu	Dư	19116022	01/08/2001	6,40	6,90	6.70	x
91	Nguyễn Khả	Doanh	19139021	31/05/2001	8,20	6,00	7.10	x
92	Lê Nhựt	Dương	16145178	17/05/1998	7,00	6,00	6.50	x
93	Đặng Thùy	Dương	18155017	12/06/2000	8,00	7,90	8.00	x
94	Đoàn Thị Thùy	Dương	18128030	02/03/2000	5,80	9,10	7.50	x
95	Nguyễn Thái	Dương	18153016	14/12/2000	6,00	5,80	5.90	x
96	Nguyễn Thị Thùy	Dương	19128028	06/02/2001	6,40	8,50	7.50	x
97	Phạm Tùng	Dương	19154031	07/04/2001	5,60	8,10	6.90	x
98	Phan Ngọc Thuỳ	Dương	19128029	06/05/2001	5,20	9,30	7.30	x
99	Trần Thuỳ	Dương	19128030	20/02/2001	6,20	7,50	6.90	x
100	Trịnh Hoàng	Dương	17628002	20/11/1992	7,20	8,50	7.90	x
101	Võ Thị Thùy	Dương	19122032	07/07/2001	7,80	5,00	6.40	x
102	Phan Thị Huyền	Địu	18125053	17/06/1999	7,00	7,60	7.30	x
103	Mai Phương	Dung	18424006	04/08/1995	8,40	6,00	7.20	x
104	Đỗ Thị	Dung	19125055	09/06/2001	8,60	6,50	7.60	x
105	Nguyễn Thị Thùy	Dung	19122028	08/01/2001	8,20	7,90	8.10	x
106	Nguyễn Thị Thùy	Dung	19120032	23/03/2001	7,00	7,10	7.10	x
107	Phạm Thị Mỹ	Dung	17125380	19/05/1999	8,40	7,40	7.90	x
108	Trần Thị Thùy	Dung	19124058	24/01/2001	8,00	7,60	7.80	x
109	Văn Xuân	Dũng	16112255	20/06/1998	6,40	6,90	6.70	x
110	Bùi Thị Thúy	Duy	18124027	02/07/2000	6,80	9,10	8.00	x
111	Lê Khánh	Duy	19124063	25/04/2001	5,80	3,30	4.60	
112	Lưu Trần Tấn	Duy	13118095	23/01/1995	7,00	6,50	6.80	x
113	Đặng Trương Anh	Duy	17113028	27/09/1999	6,80	8,90	7.90	x
114	Nguyễn Khánh	Duy	17137013	13/10/1999	7,60	9,00	8.30	x
115	Nguyễn Trường	Duy	17112033	23/04/1999	8,60	8,80	8.70	x
116	Nguyễn Võ Anh	Duy	19153013	06/07/2001	8,00	7,10	7.60	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC**Đợt thi tháng 04 năm 2022****Môn thi: Excel - P2**

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
117	Nguyễn Vũ Hoài	Duy	19124065	10/01/2001	7,80	8,50	8.20	x
118	Trần Anh	Duy	19116031	01/01/2001	6,60	8,40	7.50	x
119	Trần Hoàng	Duy	15127023	01/07/1997	5,60	8,10	6.90	x
120	Bùi Thị Kim	Duyên	19124068	07/08/2001	7,80	6,00	6.90	x
121	Bùi Trúc	Duyên	17131026	20/11/1999	7,40	4,00	5.70	
122	Diệp Ngọc	Duyên	20120177	31/12/2002	6,00	6,00	6.00	x
123	Lê Thị Mỹ	Duyên	17123015	10/01/1999	7,60	8,10	7.90	x
124	Đặng Phan Mỹ	Duyên	18163009	09/10/1999	8,20	7,90	8.10	x
125	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	17126025	17/07/1999	5,40	7,10	6.30	x
126	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	17113033	28/10/1999	7,20	6,50	6.90	x
127	Nguyễn Trần Thị Ngọc	Duyên	17139031	22/09/1999	6,80	5,50	6.20	x
128	Nguyễn Ngọc	Duyên	19124069	06/10/2001	5,60	5,50	5.60	x
129	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	18120043		8,00	8,10	8.10	x
130	Nguyễn Thị Kim	Duyên	19163008	13/04/2001	7,20	6,00	6.60	x
131	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	19126036	31/03/2001	9,40	6,90	8.20	x
132	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	19124071	19/09/2001	5,00	5,50	5.30	x
133	Nguyễn Thị Thuỳ	Duyên	19138016	02/12/2001	6,60	7,60	7.10	x
134	Phạm Mỹ	Duyên	19124073	14/10/2001	6,20	6,00	6.10	x
135	Phan Thị Mỹ	Duyên	17149036	18/07/1999	5,00	5,50	5.30	x
136	Võ Nguyễn Thúy	Duyên	19145023	20/09/2001	5,60	3,50	4.60	
137	Võ Thị Mỹ	Duyên	19128034	30/04/2001	7,00	7,60	7.30	x
138	Phạm Thị	Em	19124075	03/01/2000	5,40	3,00	4.20	
139	Rơ O H'	Grưm	17128028	22/08/1999	5,40	5,80	5.60	x
140	Hồ Sĩ	Giang	16112773	13/12/1998	5,80	7,60	6.70	x
141	Lê Thị Cẩm	Giang	18125070	30/12/2000	8,40	7,10	7.80	x
142	Mai Thị Trà	Giang	19123027	09/03/2001	7,00	6,00	6.50	x
143	Nguyễn Đức	Giang	17127021	13/02/1999	6,00	4,30	5.20	
144	Nguyễn Bảo	Giang	18153017	19/03/2000	5,60	8,00	6.80	x
145	Nguyễn Ngọc	Giang	18154032	14/02/2000	7,60	8,90	8.30	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC**Đợt thi tháng 04 năm 2022****Môn thi: Excel - P2**

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
146	Nguyễn Như Kiều	Giang	19125071	03/07/2001	5,80	6,90	6.40	x
147	Trần Ngọc Trà	Giang	19112050	22/12/2001	8,00	6,90	7.50	x
148	Trần Văn	Giang	19116033	17/10/2001	7,00	6,50	6.80	x
149	Lương Văn	Giàu	18154033	15/04/2000	6,80	7,40	7.10	x
150	Mai Ngọc	Giàu	17112282	24/11/1999	7,60	7,40	7.50	x
151	Đặng Ngọc	Giàu	20124301	16/02/2002	8,20	9,50	8.90	x
152	Ngô Thị Ngọc	Giàu	19123029	29/04/2001	8,40	7,40	7.90	x
153	Phạm Văn	Giàu	17154024	19/06/1999	6,80	6,80	6.80	x
154	Phạm Nguyễn Ngọc	Giàu	19124076	27/06/2001	4,40	5,00	4.70	
155	Phạm Thanh	Giàu	18116018		6,80	9,40	8.10	x
156	Nguyễn Thị Y	Ha	18120046		6,60	7,10	6.90	x
157	Nguyễn Ngọc	Hậu	17117013	10/01/1999	5,20	7,40	6.30	x
158	Phan Thanh	Hậu	19139041	18/06/2001	7,00	8,10	7.60	x
159	Quách Thị	Hậu	18128051	03/01/2000	7,20	9,10	8.20	x
160	Trần Thị	Hậu	17112055	22/05/1999	7,20	7,60	7.40	x
161	Bùi Thị Ngọc	Hân	19123032	21/03/2001	7,60	7,50	7.60	x
162	Hồ Nguyễn Ngọc	Hân	19116034	09/05/2001	8,80	5,50	7.20	x
163	Đặng Lê Minh	Hân	17128036	03/08/1999	5,80	4,00	4.90	
164	Nguyễn Thanh Ngọc	Hân	19122045	27/01/2001	6,60	8,10	7.40	x
165	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	19139034	23/09/2001	6,60	6,80	6.70	x
166	Trương Ngọc	Hân	18125090	28/06/2000	6,40	2,00	4.20	
167	Võ Thị Ngọc	Hân	17131032	11/07/1998	7,60	7,40	7.50	x
168	Châu Mỹ	Hằng	17126030	06/03/1999	8,60	7,90	8.30	x
169	Lê Thị Lệ	Hằng	18155021	15/04/2000	3,80	2,50	3.20	
170	Lê Thu	Hằng	18111035		7,00	8,00	7.50	x
171	Đỗ Lê Khánh	Hằng	17112051	20/04/1999	7,80	7,00	7.40	x
172	Nguyễn Ngọc Thúy	Hằng	17128039	10/01/1999	6,60	6,30	6.50	x
173	Nguyễn Thị Kim	Hằng	19128038	12/10/2001	5,40	5,80	5.60	x
174	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16112537	10/07/1998	5,20	4,00	4.60	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC**Đợt thi tháng 04 năm 2022****Môn thi: Excel - P2**

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
175	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	19122049	05/01/2001	9,60	8,10	8.90	x
176	Trần Thị Thanh	Hằng	16124236	03/09/1998	7,20	5,50	6.40	x
177	Võ Thị Thúy	Hằng	18145022	24/06/2000	7,60	6,80	7.20	x
178	Nguyễn Hữu Nhật	Hạ	17128034	03/10/1999	4,80	6,50	5.70	
179	Lê Thị Hồng	Hạnh	17128040	02/08/1998	7,20	5,00	6.10	x
180	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	16116003	24/12/1997	7,20	6,90	7.10	x
181	Võ Thị Thu	Hạnh	19120054	14/02/2001	6,80	7,00	6.90	x
182	Lê Thị Mỹ	Hà	19126037	19/11/2001	8,20	8,10	8.20	x
183	Ngô Thị Thúy	Hà	17128032	07/07/1999	7,00	7,40	7.20	x
184	Nguyễn Thị Như	Hà	20120182	02/02/2002	6,60	8,10	7.40	x
185	Phạm Thị Trúc	Hà	15149184	18/06/1997	7,60	7,60	7.60	x
186	Phan Dương Ngân	Hà	18125083	05/06/1999	9,00	7,50	8.30	x
187	Phan Thị Bích	Hà	19123031	26/02/2001	5,60	5,00	5.30	x
188	Phùng Thị Ngọc	Hà	17126028	02/01/1999	4,80	1,30	3.10	
189	Trần Thị Kim	Hà	18128038	04/01/1999	7,80	7,80	7.80	x
190	Hà Hữu	Hào	16112266	26/06/1998	6,00	7,90	7.00	x
191	Huỳnh Nhật	Hào	18139049	22/08/2000	6,20	8,00	7.10	x
192	Nguyễn Phúc Nhật	Hào	17128043	14/01/1999	8,40	7,60	8.00	x
193	Phùng Vĩ	Hào	20137077	05/02/2002	5,00	8,10	6.60	x
194	Nguyễn Văn	Hải	17126029	15/02/1999	7,20	9,60	8.40	x
195	Nguyễn Thanh	Hải	19153017	29/03/2001	7,80	7,60	7.70	x
196	Nguyễn Thanh	Hải	19137017	24/09/2001	6,60	5,00	5.80	x
197	Trần Chí	Hải	19138017	02/07/2001	7,40	6,90	7.20	x
198	Trịnh Văn	Hải	15153017	20/08/1996	7,20	7,10	7.20	x
199	Lê Thị Hồng	Hảo	20116031	05/10/2002	7,80	7,50	7.70	x
200	Nguyễn Thị	Hảo	19120055	06/11/2001	7,80	9,30	8.60	x
201	Bùi Thị	Hiền	18128052	17/07/2000	7,40	7,80	7.60	x
202	Bùi Thị Bích	Hiền	19123037	14/10/2001	8,60	8,80	8.70	x
203	Bùi Thị Thu	Hiền	15122049	30/11/1997	5,80	7,40	6.60	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
204	Hà Thị Thanh	Hiện	19120058	19/09/2001	5,20	5,00	5.10	x
205	Lê Thảo	Hiện	19125097	30/07/2001	7,00	7,30	7.20	x
206	Đinh Thị Thu	Hiện	16112542	15/05/1998	6,40	7,90	7.20	x
207	Nguyễn Thị Thu	Hiện	17122040	16/11/1999	6,20	8,10	7.20	x
208	Nguyễn Thục	Hiện	17128046	15/03/1999	8,80	7,50	8.20	x
209	Nguyễn Minh	Hiện	19126049	18/11/2001	8,20	6,00	7.10	x
210	Nguyễn Thị Minh	Hiện	19113048	15/11/2001	6,40	2,80	4.60	
211	Nguyễn Thị Thanh	Hiện	18122065		6,40	5,50	6.00	x
212	Nguyễn Thị Thu	Hiện	19123039	21/01/2001	7,40	7,60	7.50	x
213	Nguyễn Thị Thu	Hiện	19124091	14/10/2001	8,60	7,10	7.90	x
214	Nguyễn Thu	Hiện	18125474	16/12/2000	8,40	7,60	8.00	x
215	Phan Thị Thúy	Hiện	19126050	18/11/2001	7,40	7,80	7.60	x
216	Trần Thị Thu	Hiện	17126039	04/12/1999	7,20	6,00	6.60	x
217	Trương Thị Diệu	Hiện	17116049	25/03/1998	7,40	8,10	7.80	x
218	Đinh Văn	Hiện	19138020	26/01/2001	7,80	6,90	7.40	x
219	Trương Thị Mỹ	Hiệp	19122055	02/10/2001	6,80	8,30	7.60	x
220	Dương Trọng	Hiếu	18154035	07/04/2000	8,80	8,60	8.70	x
221	Huỳnh Văn	Hiếu	17118034	19/05/1998	6,80	7,80	7.30	x
222	Lê Thanh	Hiếu	18124039	25/06/2000	7,60	6,60	7.10	x
223	Lê Thị Ngọc	Hiếu	17122042	17/03/1999	6,20	7,50	6.90	x
224	Lê Võ Quang	Hiếu	18154036	29/02/2000	7,80	6,30	7.10	x
225	Lương Quốc	Hiếu	19139043	21/11/2001	8,40	9,10	8.80	x
226	Mai Trung	Hiếu	19122057	11/02/2001	5,40	5,30	5.40	x
227	Đỗ Minh	Hiếu	16112547	02/07/1998	7,80	7,60	7.70	x
228	Đoàn Như	Hiếu	19128044	06/01/2001	9,20	5,80	7.50	x
229	Nguyễn Minh	Hiếu	18163012	17/09/2000	5,80	7,50	6.70	x
230	Nguyễn Trung	Hiếu	19115033	24/03/2001	7,00	3,50	5.30	
231	Phạm Thị Hồng	Hiếu	20115042	12/12/2002	4,60	5,00	4.80	
232	Trần Minh	Hiếu	15112322	15/06/1997	6,00	7,10	6.60	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC**Đợt thi tháng 04 năm 2022****Môn thi: Excel - P2**

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
233	Hà Huy	Hiên	16124060	20/08/1997	6,60	6,90	6.80	x
234	Lê Thị	Hoa	18128055	26/06/2000	7,80	9,00	8.40	x
235	Lê Thị Ngọc	Hoa	18149026	05/08/2000	5,80	5,00	5.40	x
236	Lê Trần Vinh	Hoa	19128045	14/04/2001	6,20	7,00	6.60	x
237	Đào Thị Ngọc	Hoa	17128048	09/09/1999	7,00	6,40	6.70	x
238	Đoàn Thị Phương	Hoa	17122045	13/02/1999	7,00	6,90	7.00	x
239	Nguyễn Thị Bích	Hoa	18128056	22/10/2000	8,00	8,60	8.30	x
240	Tạ Thị Thu	Hoa	16112276	06/07/1998	5,00	6,60	5.80	x
241	Nguyễn Đình	Hổ	17138021	13/09/1999	4,40	4,00	4.20	
242	Huỳnh Thị Mỹ	Hồng	18114007		6,80	8,10	7.50	x
243	Nguyễn Thị	Hồng	17112069	21/10/1997	6,60	8,60	7.60	x
244	Trịnh Phi	Hồng	20153083	30/05/2002	7,40	7,10	7.30	x
245	Trương Thị Diễm	Hồng	16112562	15/10/1998	8,00	8,50	8.30	x
246	Bùi Thị Thu	Hoài	19123041	19/10/2001	7,40	8,10	7.80	x
247	Lê Văn	Hoàn	19149029	06/10/2001	7,20	8,40	7.80	x
248	Nguyễn Thị Khánh	Hoàn	18111040		8,40	8,00	8.20	x
249	Phạm Dương Bảo	Hoàn	18111041		7,20	4,00	5.60	
250	Nguyễn Minh	Hoàng	19138023	23/09/2001	8,00	8,50	8.30	x
251	Nguyễn Minh	Hoàng	19116046	09/12/2001	6,80	7,50	7.20	x
252	Nguyễn Việt	Hoàng	18154040	22/01/2000	7,80	9,30	8.60	x
253	Võ Như	Hoàng	17114018	02/09/1999	7,60	6,00	6.80	x
254	Mai Phạm Phúc	Hưng	19112073	29/09/2001	7,40	7,50	7.50	x
255	Nguyễn Mạnh	Hưng	18116030		6,60	8,30	7.50	x
256	Nguyễn Văn	Hưng	16113183	23/01/1998	5,60	8,10	6.90	x
257	Nguyễn Việt	Hưng	19138026	22/10/2001	7,80	5,00	6.40	x
258	Lâm Minh	Hòa	19124098	20/10/2001	7,60	7,10	7.40	x
259	Lê Thanh	Hòa	19124099	05/12/2001	6,80	6,30	6.60	x
260	Lê Thị Hải	Hòa	19125107	15/02/2001	7,80	6,40	7.10	x
261	Nguyễn Ngọc	Hòa	19163012	06/10/2001	7,00	6,00	6.50	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC**Đợt thi tháng 04 năm 2022****Môn thi: Excel - P2**

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
262	Phan Thị Mỹ	Hòa	19128047	14/11/2001	8,00	7,60	7.80	x
263	Hồ Thị Thu	Hương	16123087	08/07/1998	5,40	7,00	6.20	x
264	Hoàng Thị Mai	Hương	18125119	13/09/2000	6,00	6,50	6.30	x
265	Huỳnh Thị Mỹ	Hương	19112252	26/12/2000	7,20	3,80	5.50	
266	Đinh Kiều Diễm	Hương	17122053	10/02/1999	5,60	6,00	5.80	x
267	Nguyễn Thị Cẩm	Hương	19126061	31/08/2001	6,80	7,40	7.10	x
268	Nguyễn Thị Thu	Hương	19116050	03/07/2001	7,60	7,30	7.50	x
269	Phạm Thị	Hương	19139055	19/04/2001	5,80	4,50	5.20	
270	Phạm Thị Diễm	Hương	19116051	14/09/2001	7,80	7,90	7.90	x
271	Phạm Thị Giang	Hương	19124111	24/07/2001	8,20	6,30	7.30	x
272	Trần Thị Mỹ	Hương	14122266	08/10/1995	4,80	6,00	5.40	
273	Ngô Thị	Hường	18114008		8,00	8,30	8.20	x
274	Phạm Võ Thanh	Hường	17120060	19/02/1999	7,20	7,00	7.10	x
275	Nguyễn	Huân	17137028	26/08/1999	4,80	,00	2.40	
276	Đạo Đức	Huệ	17113285	11/07/1998	5,40	6,60	6.00	x
277	Nguyễn Thị	Huệ	19126058	11/05/2001	6,60	7,90	7.30	x
278	Đặng Mạnh	Hùng	19116047	16/06/2001	7,00	8,00	7.50	x
279	Nguyễn Phi	Hùng	18116029		7,00	6,00	6.50	x
280	Hà Hữu	Huy	19125119	25/07/2001	7,20	7,10	7.20	x
281	Lý Gia	Huy	19122074	28/02/2001	5,20	6,80	6.00	x
282	Đàm Hồng	Huy	16112574	24/12/1998	7,60	7,10	7.40	x
283	Nguyễn Khánh	Huy	18112080		5,60	5,50	5.60	x
284	Nguyễn Đức	Huy	16124075	28/01/1998	7,40	7,90	7.70	x
285	Phạm Nguyễn Hoàng	Huy	15115068	15/02/1995	6,00	6,00	6.00	x
286	Phạm Tuấn	Huy	16118065	28/11/1998	4,80	,00	2.40	
287	Phạmđăng	Huy	18118204		7,20	7,60	7.40	x
288	Trần Văn	Huy	19137029	24/04/2001	7,60	8,40	8.00	x
289	Võ Thanh	Huy	18112083		8,80	7,10	8.00	x
290	Lê Thị Thanh	Huyền	17111056	06/07/1999	6,20	7,00	6.60	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC**Đợt thi tháng 04 năm 2022****Môn thi: Excel - P2**

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
291	Liêu Thị Mỹ	Huyền	20115212	21/04/2002	4,60	3,00	3.80	
292	Phạm Hoàng Anh	Huyền	17111058	21/04/1999	7,40	8,50	8.00	x
293	Phan Thị Thanh	Huyền	17123039	03/12/1999	6,80	5,80	6.30	x
294	Trần Lệ	Huyền	20120205	28/05/2002	6,00	6,40	6.20	x
295	Trần Thị Kim	Huyền	19139058	19/05/2001	6,40	8,00	7.20	x
296	Dương Thoại	Huỳnh	17112084	15/06/1999	8,80	7,40	8.10	x
297	Huỳnh Nhị	Hỷ	19122081	17/01/2001	6,40	7,90	7.20	x
298	H' Sam Niê	Kdăm	17125477	15/03/1998	5,60	3,50	4.60	
299	Huỳnh Lưu Anh	Kiệt	19139065	12/12/2001	7,60	7,60	7.60	x
300	Lý Thường	Kiệt	16124239	05/05/1998	6,60	,00	3.30	
301	Phạm Tấn	Kiệt	17154047	10/10/1999	5,40	5,00	5.20	x
302	Phan Trí	Kiệt	19145039	27/12/2001	6,80	6,50	6.70	x
303	Tạ Công	Kiệt	19149040	15/07/2001	7,60	8,50	8.10	x
304	Nông Thị	Kiều	18125146	15/05/2000	4,60	3,50	4.10	
305	Nguyễn Thị	Kiều	17145041	12/05/1998	4,80	5,40	5.10	
306	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	15131054	20/08/1997	7,40	7,90	7.70	x
307	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	19120091	28/02/2001	6,40	9,00	7.70	x
308	Phùng Thị Thúy	Kiều	19120093	26/04/2001	8,00	7,80	7.90	x
309	Nguyễn Trung	Kiên	16112292	17/05/1998	8,20	5,50	6.90	x
310	Nguyễn Cao	Kỳ	19138042	20/07/2001	6,80	6,40	6.60	x
311	Trần Thị Kim	Kha	18120086		7,20	7,10	7.20	x
312	Diệp Vĩ	Khang	19154065	18/09/2001	8,40	8,60	8.50	x
313	Dương Gia	Khang	18112278		6,20	8,00	7.10	x
314	Lê Vũ	Khang	18124058	12/04/2000	4,60	,00	2.30	
315	Đinh Trọng	Khang	18116033		7,00	8,60	7.80	x
316	Đoàn Nguyễn Phước	Khang	18112088		7,00	5,00	6.00	x
317	Nguyễn Bình	Khang	14112140	02/02/1995	6,80	8,00	7.40	x
318	Nguyễn Minh	Khang	19163013	04/03/2001	4,40	,00	2.20	
319	Phạm Hoài	Khanh	18125136	14/11/2000	7,40	9,30	8.40	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
320	Trần Nhã	Khanh	19116057	15/06/2001	6,00	8,40	7.20	x
321	La Vi	Khánh	19116058	25/08/2001	5,60	2,80	4.20	
322	Đặnghoàng	Khánh	18120089		6,60	7,10	6.90	x
323	Ngô Quang	Khánh	19139061	23/07/2001	7,20	6,50	6.90	x
324	Nguyễn Lê Quốc	Khánh	19124125	23/07/2001	8,60	5,00	6.80	x
325	Phạm Thị Phương	Khánh	18128075	24/06/2000	8,20	7,60	7.90	x
326	Quách Như	Khánh	15112222	10/01/1997	6,40	7,90	7.20	x
327	Trương Bảo	Khánh	17127035	25/09/1999	7,20	9,80	8.50	x
328	Nguyễn Quốc	Khải	19125129	05/10/2001	7,00	7,40	7.20	x
329	Nguyễn Minh	Khiêm	17113083	21/09/1999	7,00	7,00	7.00	x
330	Nguyễn Xuân Gia	Khiêm	19139062	05/01/2001	7,00	9,90	8.50	x
331	Hoàng Nguyễn Anh	Khoa	14118185	15/11/1996	5,20	2,90	4.10	
332	Mai Thị Minh	Khoa	16112585	30/08/1998	7,00	7,60	7.30	x
333	Đặng Anh	Khoa	18112281		7,40	9,00	8.20	x
334	Đào Đăng	Khoa	18118058	28/01/2000	7,40	8,80	8.10	x
335	Đình Anh	Khoa	17125120	23/06/1999	6,60	9,00	7.80	x
336	Đình Hoàng Minh	Khoa	15131051	19/03/1996	7,20	6,00	6.60	x
337	Nguyễn Đăng	Khoa	13112479	17/05/1995	4,00	1,50	2.80	
338	Nguyễn Đăng	Khoa	18131022	12/05/2000	4,20	5,80	5.00	
339	Phan Lê Anh	Khoa	20113259	07/11/2002	7,60	8,30	8.00	x
340	Trần Đăng	Khoa	17154045	06/01/1999	4,40	3,80	4.10	
341	Trương Tấn	Khoa	18122089		9,00	8,50	8.80	x
342	Vũ Trần Anh	Khoa	18112091		7,80	9,50	8.70	x
343	Lê Đăng	Khôi	19111059	27/01/2001	4,80	5,80	5.30	
344	Lê Văn	Khôi	20125456	24/08/2002	8,00	5,40	6.70	x
345	Ngô Minh	Khôi	19125138	01/05/2001	9,00	9,00	9.00	x
346	Phan Đình	Khôi	17120069	09/09/1999	7,00	8,60	7.80	x
347	Nguyễn Duy	Khương	16112586	21/03/1997	8,80	8,80	8.80	x
348	Trần Thị Linh	Khương	19122089	13/12/2001	7,00	6,80	6.90	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC**Đợt thi tháng 04 năm 2022****Môn thi: Excel - P2**

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
349	Phan Phấn	Khởi	19124131	15/11/2001	6,60	3,50	5.10	
350	Nguyễn Sơn	La	18124064	05/04/2000	7,00	5,00	6.00	x
351	Lê Hoài	Lâm	17113088	07/05/1999	6,40	5,00	5.70	x
352	Nguyễn Phan Hoài	Lâm	18154059	20/07/2000	6,00	9,00	7.50	x
353	Trịnh Ngọc	Lâm	18118207		7,60	10,00	8.80	x
354	Nguyễn Thị	Lạc	20122351	28/11/2002	7,00	4,00	5.50	
355	Dương Thị Hạ	Lan	17128065	28/02/1999	7,80	3,40	5.60	
356	Ngô Thị Ngọc	Lan	19122097	18/01/2001	7,80	8,50	8.20	x
357	Nguyễn Ngọc	Lan	18125152	06/09/1999	6,20	8,60	7.40	x
358	Nguyễn Thị Thanh	Lan	19139069	24/11/2001	5,00	6,90	6.00	x
359	Phan Thị	Lành	19122100	17/10/2001	7,60	8,90	8.30	x
360	Võ Thị	Lành	17124082	21/12/1999	5,40	2,40	3.90	
361	Đỗ Thị Mỹ	Lệ	19122102	20/10/2001	7,40	8,30	7.90	x
362	Nguyễn Thị	Lệ	20123143	20/10/2001	7,60	6,50	7.10	x
363	Phạm Thị Thuý	Lệ	19123053	04/05/2001	8,20	7,00	7.60	x
364	Đoàn Thị Kim	Lên	19139070	16/05/2001	8,20	8,90	8.60	x
365	Phạm Thị	Liên	19122108	11/09/2001	7,20	7,50	7.40	x
366	Phạm Thị Mỹ	Liên	18155042	20/04/2000	5,80	2,90	4.40	
367	Phan Thị Kim	Liên	19122109	20/05/2001	5,80	5,40	5.60	x
368	Trần Thị Kim	Liên	16112429	01/01/1998	6,00	6,90	6.50	x
369	Hoàng Thị Thùy	Linh	18111058		6,20	1,90	4.10	
370	Huỳnh Thị Yến	Linh	19123057	03/06/2001	7,20	8,00	7.60	x
371	Khổng Mỹ	Linh	17124088	11/11/1999	5,20	2,40	3.80	
372	Lê Thị Nhật	Linh	14112581	02/06/1996	3,80	2,30	3.10	
373	Đinh Thị Thùy	Linh	17123046	15/08/1999	6,80	8,00	7.40	x
374	Đinh Thị Trúc	Linh	19116061	15/12/2001	7,20	4,00	5.60	
375	Đoàn Ngọc Khánh	Linh	18120098		4,80	7,50	6.20	
376	Ngô Thị Hoài	Linh	19127019	02/10/2001	7,80	8,10	8.00	x
377	Nguyễn Thị	Linh	19149042	20/10/1998	8,20	8,10	8.20	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
378	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	19126086	21/12/2001	6,00	6,90	6.50	x
379	Nguyễn Văn	Linh	16145208	22/04/1998	8,80	7,40	8.10	x
380	Phan Lê Duy	Linh	18125164	10/10/1999	7,60	7,10	7.40	x
381	Phan Thị	Linh	18122113		7,00	5,00	6.00	x
382	Thị Yến	Linh	18124073	16/12/2000	5,20	6,00	5.60	x
383	Trần Tú Mỹ	Linh	15131062	14/01/1997	5,80	8,90	7.40	x
384	Trần Văn	Linh	16112602	08/02/1998	5,80	7,10	6.50	x
385	Trịnh Dương	Linh	19116063	14/04/2001	5,80	5,00	5.40	x
386	Vũ Thị Thùy	Linh	19123060	10/01/2001	6,20	6,80	6.50	x
387	Nguyễn Thị Thúy	Loan	17112106	04/08/1998	7,00	9,00	8.00	x
388	Nguyễn Thị Bích	Loan	19125167	28/04/2001	8,80	6,90	7.90	x
389	Nguyễn Võ Thanh	Loan	19125170	13/06/2001	9,00	9,00	9.00	x
390	Hồ Hữu	Lực	18112107		6,20	9,00	7.60	x
391	Nguyễn Văn	Lực	17111080	28/03/1998	6,80	6,50	6.70	x
392	Phan Văn	Lực	16112432	02/10/1998	7,00	2,50	4.80	
393	Bùi Thanh	Long	17113102	04/09/1998	5,80	7,90	6.90	x
394	Lê Hoàng	Long	19118131	15/10/2001	7,60	7,50	7.60	x
395	Nguyễn Bá	Long	18118208		7,20	8,80	8.00	x
396	Nguyễn Bảo	Long	18111062		6,20	8,50	7.40	x
397	Nguyễn Văn	Long	18111063		5,20	7,60	6.40	x
398	Phạmbùi Hải	Long	18118209		6,40	8,80	7.60	x
399	Trần Hoàng	Long	19122122	05/07/2001	6,80	7,50	7.20	x
400	Võ Phi	Long	17111078	22/04/1999	7,40	5,00	6.20	x
401	Nguyễn Hồ Tấn	Lượng	18111068		7,20	10,00	8.60	x
402	Nguyễn Thị	Lượng	17149082	15/06/1999	5,80	9,00	7.40	x
403	Đỗ Hiếu	Lợi	18116039		5,80	5,00	5.40	x
404	Nguyễn Ngọc	Lợi	14115066	05/01/1996	7,20	8,90	8.10	x
405	Nguyễn Phúc	Lợi	16112430	01/02/1998	5,60	9,10	7.40	x
406	Bùi Văn Hữu	Luân	19138045	02/11/2001	7,00	8,50	7.80	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC**Đợt thi tháng 04 năm 2022****Môn thi: Excel - P2**

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
407	Ngô Thanh	Luân	19139078	03/09/2001	8,40	6,40	7.40	x
408	Nguyễn Vũ	Luân	17116078	20/11/1999	8,60	5,50	7.10	x
409	Nguyễn Thành	Luân	16145213	24/06/1998	7,40	6,80	7.10	x
410	Nguyễn Thị Mỹ	Luyến	18124078	10/02/2000	5,20	8,30	6.80	x
411	Châu Thị Khánh	Ly	18125182	01/03/2000	9,00	8,50	8.80	x
412	Lê Thị Cẩm	Ly	18120119		7,80	7,60	7.70	x
413	Đỗ Thị Yến	Ly	18125450	05/11/2000	6,00	7,10	6.60	x
414	Nguyễn Hương	Ly	17126191	26/05/1999	6,20	8,30	7.30	x
415	Nguyễn Ngọc Bảo	Ly	17131062	12/05/1999	6,00	7,30	6.70	x
416	Nguyễn Thị Trúc	Ly	19125175	29/06/2001	9,00	8,40	8.70	x
417	Trương Thị Trúc	Ly	19124155	13/12/2001	5,60	5,30	5.50	x
418	Nguyễn Nguyên	Lý	17126070	11/05/1999	7,40	9,00	8.20	x
419	Lý Văn	Mẫn	19125178	25/11/2001	7,00	7,50	7.30	x
420	Dương Túy	Mẫn	18125191	06/07/2000	5,80	8,10	7.00	x
421	Đỗ Hồng Anh	Mai	18125479	03/10/2000	7,40	8,60	8.00	x
422	Nguyễn Như	Mai	17112299	26/12/1999	7,20	6,00	6.60	x
423	Nguyễn Thị Hoa	Mai	17111082	25/08/1999	7,60	7,50	7.60	x
424	Nguyễn Thanh	Mai	18125186	06/12/2000	8,00	8,00	8.00	x
425	Nguyễn Thị Thanh	Mai	19123065	11/08/2001	5,60	6,60	6.10	x
426	Quảng Thị Tuyết	Mai	19123066	20/12/2001	7,40	7,00	7.20	x
427	Bùi Văn	Mạnh	19115070	09/08/2001	7,80	5,40	6.60	x
428	Mai Thị Xuân	Mến	19125179	29/12/2001	6,60	3,50	5.10	
429	Nguyễn Thị Diễm	Mi	17111086	16/06/1998	3,80	5,90	4.90	
430	Thông Nữ Trà	Mi	17123150	27/03/1998	7,80	4,50	6.20	
431	Vũ Thị	Miên	18131035	11/04/2000	7,20	7,10	7.20	x
432	Bùi Lê	Minh	17128081	14/06/1998	6,60	7,50	7.10	x
433	Lê Quang	Minh	18423008	05/02/1997	8,40	5,00	6.70	x
434	Đặngkim	Minh	18125452	14/12/2000	8,00	7,50	7.80	x
435	Đỗ Thiện	Minh	16112821	02/04/1998	5,00	6,00	5.50	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC**Đợt thi tháng 04 năm 2022****Môn thi: Excel - P2**

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
436	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	18122131		7,80	6,00	6.90	x
437	Nguyễn Đình	Minh	18118082		4,80	3,50	4.20	
438	Nguyễn Tuyết	Minh	18139097	09/07/2000	7,80	9,00	8.40	x
439	Nguyễn Xuân	Minh	19154095	22/03/2001	6,60	6,50	6.60	x
440	Phạm Nhựt	Minh	17139081	16/09/1999	7,00	8,50	7.80	x
441	Phạm Nhựt	Minh	16118102	02/09/1998	6,20	1,00	3.60	
442	Đặng Xuân	Mộng	17113117	15/09/1999	7,40	7,40	7.40	x
443	Lê Nguyễn Hằng	Mơ	19126100	07/02/2001	8,20	7,50	7.90	x
444	Trương Thị Hoài	Mơ	14116129	21/11/1996	8,00	7,90	8.00	x
445	Giang Thị Trà	My	17126079	06/08/1999	7,00	8,00	7.50	x
446	Hà Huỳnh Huyền	My	19123067	08/10/2001	7,80	8,30	8.10	x
447	Nguyễn Thị Diễm	My	17145049	20/10/1999	7,20	8,00	7.60	x
448	Nguyễn Thị Khả	My	18124084	01/08/2000	8,20	7,30	7.80	x
449	Nguyễn Thị Giáng	My	19122135	26/04/2001	7,20	5,50	6.40	x
450	Trần Thị Thảo	My	18128104	29/03/2000	8,80	8,90	8.90	x
451	Trương Trà	My	17123056	22/03/1999	5,40	7,90	6.70	x
452	Diệp Thị Ai	Mỹ	18122135		8,40	8,10	8.30	x
453	Đặng Hải	Đặng	18153010	12/09/2000	6,40	5,50	6.00	x
454	Nguyễn Huỳnh Hồng	Đặng	18128022	22/07/2000	5,40	5,00	5.20	x
455	Bạch Thanh	Đại	18118014		9,00	8,50	8.80	x
456	Dương Đình	Đại	18154016	19/10/2000	5,00	8,40	6.70	x
457	Bùi Thành	Đạt	19122021	27/05/2001	6,20	10,00	8.10	x
458	Lê Tiến	Đạt	18118192		7,80	8,00	7.90	x
459	Ngô Trí	Đạt	18111021		6,40	7,90	7.20	x
460	Nguyễn Thành	Đạt	17149018	05/09/1999	6,00	8,60	7.30	x
461	Nguyễn Hoàng Tuấn	Đạt	19163006	24/08/2001	4,80	6,50	5.70	
462	Nguyễn Tiến	Đạt	18118021		6,00	7,90	7.00	x
463	Nguyễn Thành	Đạt	19124046	19/10/2001	6,00	6,50	6.30	x
464	Nguyễn Văn	Đạt	19124047	24/11/2001	7,00	5,50	6.30	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC**Đợt thi tháng 04 năm 2022****Môn thi: Excel - P2**

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
465	Nguyễn Văn Tiến	Đạt	19111014	02/01/2001	6,20	5,50	5.90	x
466	Trần Thái	Đạt	17127015	21/01/1999	6,00	9,30	7.70	x
467	Văn Phú	Đạt	16118029	12/06/1998	5,00	4,40	4.70	
468	Võ Quốc	Đạt	19124049	19/11/2001	7,00	5,00	6.00	x
469	Bùi Phương Hoài	Nam	16112620	06/07/1998	6,00	6,50	6.30	x
470	Hoàng Đức	Nam	19113099	10/09/2001	6,20	7,90	7.10	x
471	Hoàng Trọng	Nam	18112119		9,20	9,50	9.40	x
472	Lâm Đại	Nam	18112285		8,00	6,40	7.20	x
473	Đỗ Phương	Nam	17113121	10/06/1999	5,60	1,50	3.60	
474	Nguyễn Bửu	Nam	19116074	19/01/2001	6,00	7,80	6.90	x
475	Nguyễn Giang	Nam	17113271	06/02/1999	8,60	9,40	9.00	x
476	Nguyễn Minh Đại	Nam	19126105	11/10/2001	6,20	5,00	5.60	x
477	Nguyễn Ngọc	Nam	19124164	10/04/2001	7,40	5,40	6.40	x
478	Nguyễn Viết	Nam	19113101	20/12/2001	8,00	7,40	7.70	x
479	Phan Thành	Nam	18154072	04/12/2000	5,60	8,50	7.10	x
480	Trần Thành	Nam	17131070	10/09/1999	7,80	6,00	6.90	x
481	Trương Bắc	Nam	18124085	08/08/2000	8,40	8,80	8.60	x
482	Võ Hoàng	Nam	16138059	14/11/1998	6,60	8,00	7.30	x
483	Nguyễn Hữu	Đang	19124041	25/08/2001	8,20	6,90	7.60	x
484	Nguyễn Thị Minh	Đài	20123120	30/06/2002	8,00	6,30	7.20	x
485	Trần Hạ Linh	Đàm	19124040	02/12/2001	7,00	5,90	6.50	x
486	Lê Thị Hồng	Đào	19149011	24/10/2001	6,80	7,90	7.40	x
487	Trương Thị Hồng	Đào	18125042	22/04/2000	8,00	8,40	8.20	x
488	Dương Thị Mộng	Diệp	19125049	05/12/2001	7,40	9,00	8.20	x
489	Phùng Ngọc	Diệp	19113027	14/10/2001	4,20	3,40	3.80	
490	H' Tem	Niê	18112356		7,00	7,30	7.20	x
491	Trần Thiên	Đoan	16112248	25/08/1998	6,60	9,00	7.80	x
492	Lê Văn	Đồng	14138008	20/11/1996	6,60	8,00	7.30	x
493	Hoàng Minh	Đoàn	16124037	27/07/1995	7,40	7,60	7.50	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC**Đợt thi tháng 04 năm 2022****Môn thi: Excel - P2**

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
494	Lê In Đô	18116013	27/07/2000	8,40	6,40	7.40	x
495	Bùi Thị Định	19120026	01/08/2001	6,80	1,00	3.90	
496	Bùi Minh Đức	19113029	18/09/2000	6,60	7,90	7.30	x
497	Nguyễn Huỳnh Đức	18118026		5,80	6,80	6.30	x
498	Trần Nguyễn Trí Đức	18118195		6,20	9,50	7.90	x
499	Lê Trần Giản Đơn	18112038		6,80	6,00	6.40	x
500	Nguyễn Thị Thu Nga	19124166	18/11/2001	8,20	6,80	7.50	x
501	Phan Thị Tố Nga	19123070	16/08/2001	7,20	7,40	7.30	x
502	Thái Thị Thy Nga	18131039	28/12/2000	6,80	7,10	7.00	x
503	Trần Thị Tuyết Nga	19124167	20/03/2001	8,60	5,00	6.80	x
504	Huỳnh Thúy Ngân	18122139		6,00	7,50	6.80	x
505	Lê Thị Kim Ngân	14112190	12/09/1996	7,60	5,10	6.40	x
506	Lê Thụy Tuyết Ngân	20139261	28/02/2002	5,60	6,50	6.10	x
507	Đỗ Thị Thanh Ngân	19123072	17/10/2001	6,20	8,50	7.40	x
508	Đoàn Thị Mỹ Ngân	18120136	30/10/2000	7,80	4,00	5.90	
509	Nguyễn Thiên Ngân	17111091	13/07/1999	7,40	7,50	7.50	x
510	Nguyễn Thị Mộng Ngân	17112120	02/10/1999	6,00	6,50	6.30	x
511	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	18131040	04/03/2000	6,60	7,60	7.10	x
512	Nguyễn Thị Ngân	19117045	18/09/1999	8,20	7,50	7.90	x
513	Nguyễn Thị Kim Ngân	19122148	19/05/2001	7,40	7,40	7.40	x
514	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	15114101	10/02/1997	9,00	9,00	9.00	x
515	Nguyễn Thu Thanh Ngân	20120226	04/06/2002	8,40	9,30	8.90	x
516	Phan Thị Tuyết Ngân	19123075	01/05/2001	7,80	8,00	7.90	x
517	Trần Thị Kim Ngân	18128111	27/01/2000	9,20	8,30	8.80	x
518	Trần Thị Tuyết Ngân	19127029	09/03/2001	7,60	6,50	7.10	x
519	Trần Thị Thu Ngân	18423009	30/08/1993	6,00	3,50	4.80	
520	Võ Hồng Ngân	18123081	06/03/2000	5,80	2,90	4.40	
521	Vũ Kim Ngân	19123076	17/08/2001	7,20	8,50	7.90	x
522	Huỳnh Thị Thu Ngà	19123071	08/03/2001	6,80	7,60	7.20	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
523	Bàn Thị Nghĩa	17126209	22/05/1998	6,60	4,50	5.60	
524	Bùi Đình Nghĩa	16112632	06/01/1998	5,60	5,30	5.50	x
525	Bùi Quang Nghĩa	16131141	15/04/1997	6,80	7,60	7.20	x
526	Lê Tấn Nghĩa	19163023	28/08/2001	4,00	2,50	3.30	
527	Đặng Hữu Nghĩa	17126088	12/07/1999	7,00	9,00	8.00	x
528	Đặng Thành Nghĩa	17131077	08/04/1996	6,60	8,40	7.50	x
529	Nguyễn Thị Nghĩa	16112317	15/02/1998	6,20	5,90	6.10	x
530	Nguyễn Trọng Nghĩa	19138051	11/12/2001	4,20	1,40	2.80	
531	Nguyễn Trọng Nghĩa	18113100		6,60	9,00	7.80	x
532	Nguyễn Văn Nghĩa	18112130		6,20	5,00	5.60	x
533	Nguyễn Hoàng Ngoan	19137044	17/01/2001	7,00	2,80	4.90	
534	Mai Thị Mỹ Ngôn	20120230	13/12/2002	6,20	3,50	4.90	
535	Dương Mộng Ngọc	15115106	08/10/1997	4,40	1,00	2.70	
536	Huỳnhthanh Bảo Ngọc	18128117	11/11/2000	9,20	8,10	8.70	x
537	Lê Phương Linh Ngọc	19125215	23/10/2001	7,60	6,90	7.30	x
538	Lê Thế Ngọc	19116082	13/09/2001	7,40	8,00	7.70	x
539	Lê Thị Hồng Ngọc	17112342	24/05/1998	8,20	10,00	9.10	x
540	Mai Thị Bảo Ngọc	19124180	10/12/2001	7,00	5,90	6.50	x
541	Đỗ Thị Bích Ngọc	19126114	01/06/2001	6,00	7,40	6.70	x
542	Đỗ Thị Kim Ngọc	19145056	04/02/2001	7,40	6,90	7.20	x
543	Ngô Thị Thanh Ngọc	19123077	04/06/2001	6,80	6,50	6.70	x
544	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	17149099	21/04/1999	9,20	7,40	8.30	x
545	Nguyễn Thị Huỳnh Ngọc	18124096	10/02/2000	7,80	8,50	8.20	x
546	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	19125484	25/10/2001	5,00	8,50	6.80	x
547	Nguyễn Thị Hoài Ngọc	19125220	19/09/2001	7,00	7,00	7.00	x
548	Trương Thị Bảo Ngọc	19122159	23/01/2001	7,40	10,00	8.70	x
549	Võ Thị Yến Ngọc	18122153		6,20	8,30	7.30	x
550	Lưu Thị Ngọc Loan	17149077	26/05/1999	5,00	8,50	6.80	x
551	Võ Lê Ngưu	17113134	11/06/1999	6,00	7,50	6.80	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC**Đợt thi tháng 04 năm 2022****Môn thi: Excel - P2**

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
552	Nguyễn Thị Anh	Nguyệt	18124100	11/01/2000	3,40	4,50	4.00	
553	Phan Thị Minh	Nguyệt	18139122	02/08/2000	7,60	8,60	8.10	x
554	Trần Thị Anh	Nguyệt	18122157		7,20	7,10	7.20	x
555	Trương Minh	Nguyệt	17125188	06/10/1999	6,20	7,80	7.00	x
556	Võ Thị Xuân	Nguyệt	17116104	20/08/1999	6,80	8,10	7.50	x
557	Nguyễn Bá	Nguyên	17113135	17/05/1999	7,60	6,80	7.20	x
558	Nguyễn Đình	Nguyên	17121012	18/12/1999	6,60	1,50	4.10	
559	Nguyễn Thị Tú	Nguyên	18128120	20/06/2000	8,40	9,60	9.00	x
560	Phan Thảo	Nguyên	20125571	09/12/2002	7,40	8,10	7.80	x
561	Trần Hà Hoàng	Nguyên	18112288		8,20	8,50	8.40	x
562	Đỗ Đình	Nhất	15115115	13/12/1997	8,60	7,10	7.90	x
563	Huỳnh Thanh	Nhật	16124117	22/12/1997	7,40	6,50	7.00	x
564	Lưu Quang	Nhật	18149115	17/04/2000	5,20	5,50	5.40	x
565	Mai Văn	Nhật	19122166	07/10/2001	5,60	5,00	5.30	x
566	Nguyễn Hiền	Nhân	19113108	01/04/2001	6,40	6,00	6.20	x
567	Nguyễn Thiện	Nhân	18116051		7,80	8,30	8.10	x
568	Nguyễn Trung	Nhân	14163185	02/03/1996	5,20	8,60	6.90	x
569	Trần Phan Việt	Nhân	18111085		4,60	,50	2.60	
570	Trần Trọng	Nhân	19122164	17/10/2001	7,40	1,00	4.20	
571	Nguyễn Thị Tuyết	Nhanh	20120233	22/03/2002	8,40	6,00	7.20	x
572	Ngô Thị Hoà	Nhã	18125229	28/01/2000	7,60	9,80	8.70	x
573	Bồ Tấn	Nhàn	18118094		8,00	7,90	8.00	x
574	Nguyễn Thanh	Nhàn	19124190	27/05/2000	7,20	5,80	6.50	x
575	Võ Thị Thanh	Nhàn	18155060	12/01/2000	7,40	6,40	6.90	x
576	Hoàng Thị Huệ	Nhi	17126098	21/04/1999	6,60	1,50	4.10	
577	Hứa Y	Nhi	17131085	11/01/1998	7,40	9,80	8.60	x
578	Huỳnh Thị	Nhi	19120139	25/10/2001	6,20	2,50	4.40	
579	Lê Nguyễn Thanh	Nhi	19125240	26/03/2001	6,60	4,40	5.50	
580	Lê Thị Cẩm	Nhi	19125241	17/03/2001	7,00	8,40	7.70	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
581	Lê Thị Yến	Nhi	19123088	09/01/2001	7,80	6,50	7.20	x
582	Lê Thị Yến	Nhi	19123087	02/12/2001	8,00	7,90	8.00	x
583	Mai Quỳnh	Nhi	17128094	08/09/1999	8,00	7,40	7.70	x
584	Mai Thị Yến	Nhi	17128095	14/02/1999	7,00	8,50	7.80	x
585	Đặng Xuân	Nhi	19120138	03/02/2001	6,60	8,40	7.50	x
586	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	17113138	02/10/1999	6,60	6,80	6.70	x
587	Nguyễn Hồng	Nhi	18128126	16/08/2000	7,20	8,50	7.90	x
588	Nguyễn Lan	Nhi	19123089	24/02/2001	7,20	8,80	8.00	x
589	Nguyễn Ngọc	Nhi	18123086	29/11/2000	7,60	4,00	5.80	
590	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	19126121	07/08/2001	7,80	9,40	8.60	x
591	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	18125239	04/06/2000	7,80	9,10	8.50	x
592	Nguyễn Thị Yến	Nhi	18120158		7,60	7,00	7.30	x
593	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	19122170	25/05/2001	8,00	8,80	8.40	x
594	Nguyễn Thị Yến	Nhi	19111081	28/11/2001	6,60	6,90	6.80	x
595	Nguyễn Trần Yến	Nhi	19123093	18/06/2001	7,20	8,50	7.90	x
596	Nguyễn Yến	Nhi	19123094	24/11/2001	7,40	8,50	8.00	x
597	Phạm Ngọc Uyển	Nhi	19120142	21/08/2001	6,60	2,00	4.30	
598	Phan Thị Tuyết	Nhi	17131093	30/12/1999	5,40	5,00	5.20	x
599	Trần Thị Yến	Nhi	17145060	19/12/1998	6,80	6,40	6.60	x
600	Trương Nguyễn Hoài	Nhi	19145061	28/07/2000	7,60	6,50	7.10	x
601	Trương Thị Yến	Nhi	20116230	30/11/2002	6,80	7,80	7.30	x
602	Nguyễn Thị Bé	Nhiên	19123095	02/11/2001	8,20	8,90	8.60	x
603	Bùi Lan	Như	19120145	05/03/2001	6,80	8,30	7.60	x
604	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	19122176	09/12/2001	7,80	7,30	7.60	x
605	Lê Quỳnh	Như	19139119	23/08/2001	6,00	3,40	4.70	
606	Lư Tuyết	Như	19123097	10/06/2001	7,20	10,00	8.60	x
607	Nguyễn Nữ Quỳnh	Như	17163050	29/06/1999	6,80	8,80	7.80	x
608	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	18124109	06/05/2000	8,80	8,30	8.60	x
609	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	19126127	04/08/2001	8,60	7,90	8.30	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
610	Phan Thị Quỳnh	Như	18111089		5,20	7,10	6.20	x
611	Thông Thị Quỳnh	Như	19126272	13/07/2000	7,80	4,30	6.10	
612	Trần Đạo	Như	16115124	05/08/1998	6,80	8,40	7.60	x
613	Trần Quỳnh	Như	19122184	29/12/2001	7,60	8,00	7.80	x
614	Trần Thị Huỳnh	Như	19145062	25/03/2001	7,40	7,40	7.40	x
615	Văn Đăng Hoàng	Như	16145232	28/02/1998	6,60	8,00	7.30	x
616	Dương Thanh	Nhật	17125208	20/10/1999	8,60	9,90	9.30	x
617	Nguyễn Phan Huỳnh	Nhật	19154112	20/10/2001	7,20	9,40	8.30	x
618	Trần Văn Hoài	Nhật	19126130	17/09/2001	7,60	6,40	7.00	x
619	Trần Đình	Nhơn	19138055	07/10/2001	6,80	6,80	6.80	x
620	Thị	Nhở	17114080	30/10/1998	6,00	5,50	5.80	x
621	Trần Minh	Nhở	19126124	16/01/2000	7,40	9,50	8.50	x
622	Nguyễn Thành	Nhu	19112135	24/08/2001	8,40	7,50	8.00	x
623	Đồngthị	Nhung	17125205	06/08/1999	7,40	4,00	5.70	
624	Nguyễn Lê Hồng	Nhung	19125267	20/04/2001	7,60	9,40	8.50	x
625	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	18122187		5,60	9,30	7.50	x
626	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	19123104	26/10/2001	5,20	5,80	5.50	x
627	Phạm Thị Cẩm	Nhung	19123106	29/06/2001	7,40	8,30	7.90	x
628	Võ Thị Cẩm	Nhung	19139123	26/11/2001	8,20	10,00	9.10	x
629	Lê Thị Kiều	Oanh	18139143	13/10/2000	5,40	7,50	6.50	x
630	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh	17149118	06/10/1999	6,00	9,10	7.60	x
631	Nguyễn Hải Thủy	Oanh	18122193		7,40	7,30	7.40	x
632	Nguyễn Thị Phương	Oanh	19122190	12/10/2001	8,60	7,30	8.00	x
633	Nguyễn Thị Thục	Oanh	19124206	14/01/2001	7,20	1,90	4.60	
634	Phạm Ngọc Kim	Oanh	19111084	24/11/2001	6,60	1,50	4.10	
635	Võ Thị Kiều	Oanh	19124208	23/12/2001	7,00	6,90	7.00	x
636	Phạm Nguyễn Anh	Pha	19138058	03/01/2001	7,80	7,40	7.60	x
637	Nguyễn Thành	Phẩm	19138059	01/04/2001	8,40	9,00	8.70	x
638	Trần Thị Ngọc	Phấn	19125275	05/11/2001	7,80	8,40	8.10	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
639	Lê Vạn	Phát	17131100	29/08/1999	7,20	7,30	7.30	x
640	Nguyễn Văn	Phi	19116093	13/08/2000	8,20	10,00	9.10	x
641	Đỗ Thanh	Phong	18138063	01/12/2000	6,20	4,00	5.10	
642	Cao Như	Phượng	19116099	22/09/2001	6,80	8,90	7.90	x
643	Lê Thị Minh	Phượng	19123114	08/04/2001	7,60	1,40	4.50	
644	Trịnh Thị Kim	Phượng	20120253	27/10/2002	7,80	5,00	6.40	x
645	Chế Thị Kiều	Phượng	18139153	02/01/2000	6,80	10,00	8.40	x
646	Hồ Thị Thu	Phượng	19122203	05/06/2001	7,60	6,60	7.10	x
647	Đỗ Thu	Phượng	17122123	04/04/1999	6,80	7,50	7.20	x
648	Đoàn Thanh	Phượng	16126143	25/03/1998	5,20	5,50	5.40	x
649	Nguyễn Hải	Phượng	19125284	23/09/2001	8,40	9,90	9.20	x
650	Nguyễn Hoài Thu	Phượng	18112293		9,40	10,00	9.70	x
651	Nguyễn Thu	Phượng	20120249	03/12/2002	8,20	4,00	6.10	
652	Phạm Công	Phượng	19118183	22/12/2001	6,60	7,40	7.00	x
653	Phạm Minh	Phượng	19118184	24/08/2001	6,40	8,80	7.60	x
654	Phạm Nguyễn Thanh	Phượng	19126138	21/01/2001	9,00	10,00	9.50	x
655	Phạm Thị Thanh	Phượng	18127043	27/04/2000	6,00	5,50	5.80	x
656	Phan Thị	Phượng	19139134	01/07/2001	7,40	8,40	7.90	x
657	Trương Thanh	Phượng	18138069	29/02/2000	5,00	1,50	3.30	
658	Võ Anh	Phượng	19154125	01/09/2001	7,20	5,90	6.60	x
659	Nguyễn Ngọc	Phước	19122201	01/01/2001	7,00	7,50	7.30	x
660	Nguyễn Tường	Phước	18116062	14/10/2000	8,40	6,40	7.40	x
661	Vũ Toàn	Phước	18118110		9,00	10,00	9.50	x
662	Lê Kim	Phụng	19124217	21/05/2001	7,80	7,80	7.80	x
663	Võ Thị Kim	Phụng	19124218	12/07/2001	7,60	7,00	7.30	x
664	Khê Trần Văn	Phú	17116119	05/02/1998	7,80	8,60	8.20	x
665	Lê Kim	Phú	19125278	31/03/2001	9,00	9,40	9.20	x
666	Nguyễn Bảo	Phú	15113086	18/10/1997	6,40	9,10	7.80	x
667	Nguyễn Công Xuân	Phú	18153053	29/10/2000	8,00	5,50	6.80	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC**Đợt thi tháng 04 năm 2022****Môn thi: Excel - P2**

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
668	Nguyễn Quốc	Phú	19138062	16/02/2001	6,80	5,50	6.20	x
669	Nguyễn Tấn	Phú	19124210	15/08/2001	7,60	5,90	6.80	x
670	Vũ Phạm Thanh	Phú	17126110	12/10/1999	7,00	10,00	8.50	x
671	Lưu Văn	Phúc	17125219	21/12/1999	6,60	8,10	7.40	x
672	Lý Hoàng	Phúc	19122196	02/10/2001	8,00	8,00	8.00	x
673	Phạm Gia	Phúc	19154119	21/10/2001	7,00	9,00	8.00	x
674	Trần Thanh	Phúc	17154072	10/06/1999	6,20	8,10	7.20	x
675	Võ Thành Ngọc	Phúc	19126134	25/04/2001	7,80	6,50	7.20	x
676	Nguyễn Huy	Quân	17114045	24/11/1995	5,60	1,40	3.50	
677	Trần Minh	Quân	15131111	11/02/1997	6,40	4,00	5.20	
678	Đỗ Văn	Quang	17124141	05/05/1999	7,40	8,00	7.70	x
679	Nguyễn Nhật	Quang	17125395	14/08/1999	7,80	2,40	5.10	
680	Nguyễn Đình Anh	Quang	18137036	23/08/2000	6,00	9,00	7.50	x
681	Nguyễn Thanh	Quang	18118113		6,80	8,80	7.80	x
682	Trần Minh	Quang	17120138	18/08/1999	6,80	7,80	7.30	x
683	Trần Minh	Quang	18153058	19/07/2000	6,60	5,40	6.00	x
684	Trần Vinh	Quang	17125230	02/08/1999	5,80	5,40	5.60	x
685	Hoàng Thị	Quốc	18131048	04/01/2000	7,80	8,60	8.20	x
686	Huỳnh Thị Kim	Quý	20125644	12/08/2002	5,80	5,80	5.80	x
687	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	17116123	21/11/1999	6,40	1,90	4.20	
688	Nguyễn Khánh	Quốc	16112785	24/04/1997	8,00	9,50	8.80	x
689	Hồ Thị Kiều	Quy	17120139	09/10/1999	5,20	7,10	6.20	x
690	Huỳnh Quang	Quy	17124143	31/07/1997	6,20	8,60	7.40	x
691	Nguyễn Thị Thanh	Quyên	18125288	19/05/2000	6,60	10,00	8.30	x
692	Tiêu Công	Quyên	17113301		9,60	9,30	9.50	x
693	Bùi Thị	Quyên	19122209	26/12/2001	7,60	8,00	7.80	x
694	Bùi Thị Trúc	Quyên	20120256	28/07/2002	7,60	8,40	8.00	x
695	Hoàng Trần Tố	Quyên	19163034	12/03/2001	6,40	4,00	5.20	
696	Đặng Mỹ	Quyên	19123118	09/12/2001	5,60	8,60	7.10	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
697	Đỗ Thị Thúy	Quyên	20124452	19/06/2002	7,00	7,50	7.30	x
698	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	17628014	04/11/1992	7,20	7,00	7.10	x
699	Nguyễn Thị Thúy	Quyên	15131113	05/10/1997	4,00	3,10	3.60	
700	Trần Nguyễn Lệ	Quyên	17113158	25/02/1999	7,80	6,80	7.30	x
701	Trịnh Thị	Quyên	18122222		6,60	4,00	5.30	
702	Dương Trúc	Quỳnh	19125296	23/12/2001	8,20	9,90	9.10	x
703	Hứa Như	Quỳnh	18125291	14/12/2000	3,40	2,50	3.00	
704	Lê Trúc	Quỳnh	18125455	25/07/2000	6,80	8,50	7.70	x
705	Nguyễn Ngọc Thúy	Quỳnh	17117058	21/04/1999	5,00	,00	2.50	
706	Nguyễn Mỹ	Quỳnh	19139140	03/02/2001	7,40	7,50	7.50	x
707	Nguyễn Thị	Quỳnh	18124125	20/04/2000	5,60	,40	3.00	
708	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	18116071		5,80	6,50	6.20	x
709	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	19120171	11/05/2001	6,40	3,50	5.00	
710	Phan Thị Như	Quỳnh	19128146	18/09/2001	4,60	3,60	4.10	
711	Tô Lê Diễm	Quỳnh	18124127	02/12/2000	8,40	9,00	8.70	x
712	Trần Thị Mai	Quỳnh	19117066	20/10/2001	6,00	4,00	5.00	
713	Trịnh Thị Liễu	Quỳnh	17126120	10/07/1999	7,80	9,10	8.50	x
714	Trương Ngọc	Quỳnh	19128147	22/11/2001	6,80	7,50	7.20	x
715	Huỳnh Thị Ngọc	Quý	19137054	20/07/2001	8,60	9,00	8.80	x
716	Lê Hữu	Quý	19153064	12/11/2001	5,60	4,00	4.80	
717	Ngô Thị Lô	Ra	19123122	25/08/2001	8,40	9,40	8.90	x
718	Nguyễn Văn	Rồng	18120196		8,20	9,40	8.80	x
719	Trần Tấn	Sỉ	15116132	25/10/1997	6,40	3,00	4.70	
720	Lê Thanh	Sang	19127076	04/08/2001	5,40	5,30	5.40	x
721	Nguyễn Thị Mỹ	Sang	17112177	23/05/1999	4,40	3,00	3.70	
722	Nguyễn Hữu	Sang	14124458	23/05/1996	6,60	5,00	5.80	x
723	Nguyễn Minh	Sang	18116074		6,20	5,50	5.90	x
724	Nguyễn Tấn	Sang	19124237	27/09/2001	7,40	7,50	7.50	x
725	Phạmnguyễn Ngọc	Sang	18111103		7,20	9,60	8.40	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
726	Thái Thanh Sang	19115100	23/04/2001	7,20	8,90	8.10	x
727	Trần Nguyễn Sang	19137056	01/01/2001	7,60	8,40	8.00	x
728	Thạch Thị Sari	17128113	27/11/1999	8,00	8,60	8.30	x
729	Lê Đông Sen	20120265	31/10/2002	9,20	10,00	9.60	x
730	Trương Thị Hồng Sim	17131109	10/09/1999	6,20	2,50	4.40	
731	Đào Thị Thu Sương	18155081	20/05/2000	7,20	7,30	7.30	x
732	Hoàng Thái Sơn	18118215		7,20	5,00	6.10	x
733	Lê Trần Thiện Sơn	19113134	14/06/2001	4,80	,00	2.40	
734	Lê Văn Sơn	17118092	01/10/1999	7,00	7,00	7.00	x
735	Đặng Quý Hoài Sơn	18112295		7,20	2,90	5.10	
736	Đinh Hải Sơn	19125302	25/02/2001	7,00	6,90	7.00	x
737	Nguyễn Hồng Sơn	17163059	28/01/1999	6,20	9,00	7.60	x
738	Nguyễn Thế Sơn	17120147	15/10/1999	6,60	7,40	7.00	x
739	Nguyễn Hồng Sơn	18122234		4,80	,00	2.40	
740	Nguyễn Lâm Khánh Sơn	18126141	27/08/2000	7,80	6,40	7.10	x
741	Nguyễn Ngọc Sơn	17113274	10/08/1998	5,20	8,30	6.80	x
742	Trần Hồng Sơn	15115140	12/05/1997	6,20	7,10	6.70	x
743	Trần Văn Sơn	18125301	18/04/2000	7,60	4,40	6.00	
744	Võ Thanh Sơn	16112688	21/10/1998	8,60	9,00	8.80	x
745	Lê Quốc Sỹ	17122133	21/10/1999	5,80	6,00	5.90	x
746	Lê Quang Tấn	17125458	20/04/1999	4,20	2,80	3.50	
747	Huỳnh Tấn Tâm	18131056	09/08/2000	7,80	6,30	7.10	x
748	Lê Minh Tâm	19126154	24/10/1994	6,20	7,00	6.60	x
749	Đoàn Minh Tâm	19113136	11/09/2001	7,80	3,50	5.70	
750	Nguyễn Chí Tâm	19138070	14/07/2001	7,60	8,40	8.00	x
751	Phạm Băng Tâm	19122223	14/02/2001	7,60	5,30	6.50	x
752	Phạm Thị Kim Tâm	19123126	16/06/2001	7,20	1,50	4.40	
753	Lê Đặng Huỳnh Tân	19125309	30/05/2001	6,60	9,00	7.80	x
754	Lương Ngọc Tân	19137061	26/09/2001	7,20	8,90	8.10	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC**Đợt thi tháng 04 năm 2022****Môn thi: Excel - P2**

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
755	Đoàn Văn Tân	18153064	18/07/2000	5,40	8,00	6.70	x
756	Nguyễn Văn Tân	17131113	01/02/1999	5,00	2,50	3.80	
757	Nguyễn Trần Thuận	16149221		6,60	8,40	7.50	x
758	Phạm Trương Quang	18137039	12/08/2000	6,00	7,90	7.00	x
759	Cao Quốc	19138079	04/05/2001	8,20	7,90	8.10	x
760	Chu Đức	17113172	21/11/1999	7,00	8,30	7.70	x
761	Lê Ngọc	17124147	18/09/1999	7,80	7,90	7.90	x
762	Lê Tấn	18118120		6,60	8,10	7.40	x
763	Nguyễn Hữu	17149137	20/10/1999	8,60	8,50	8.60	x
764	Nguyễn Hữu	19120178	23/09/2001	6,80	5,50	6.20	x
765	Nguyễn Thành	15113177	08/11/1997	5,60	7,50	6.60	x
766	Trần Đạt	15124253	22/12/1997	5,60	3,30	4.50	
767	Vũ Nhật	19128151	07/02/2001	7,00	1,40	4.20	
768	Lục Thị	19122219	14/08/2001	7,00	6,50	6.80	x
769	Võ Thị Kim	16124164	15/11/1998	7,60	4,40	6.00	
770	Dương Văn	19138077	16/12/2001	5,80	7,50	6.70	x
771	Huỳnh Minh	18116092		6,20	7,80	7.00	x
772	Nguyễn Minh	15126146	17/06/1997	6,20	6,90	6.60	x
773	Nguyễn Văn	19138078	16/03/2001	5,80	3,40	4.60	
774	Nguyễn Văn	18127061	30/05/2000	7,40	7,80	7.60	x
775	Nguyễn Văn	17131133	06/04/1999	6,80	6,50	6.70	x
776	Huỳnh Trần Mỹ	17116158	28/03/1999	7,40	9,10	8.30	x
777	Mai Thị Cẩm	19125533	17/07/2001	4,80	1,30	3.10	
778	Nguyễn Thị Cẩm	19145093	20/10/1999	6,80	9,00	7.90	x
779	Nguyễn Thủy	18125365	06/07/2000	4,40	2,80	3.60	
780	Trần Thị Thủy	19123155	04/06/2001	7,20	7,40	7.30	x
781	Phạm Hữu	17113304	04/08/1999	7,60	8,40	8.00	x
782	Trần Hữu	17137068	01/01/1999	8,40	9,10	8.80	x
783	Hà Thị	19120213	06/06/2001	6,00	6,50	6.30	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
784	Đàm Thị Tình	18122297		7,80	8,80	8.30	x
785	Nguyễn Thị Mộng	18128178	07/11/2000	7,60	5,00	6.30	x
786	Huỳnh Trung	19127060	15/10/2001	7,60	8,00	7.80	x
787	Nguyễn Thị Minh	18122299		5,80	9,30	7.60	x
788	Lâm Gia	16112455	26/04/1998	6,60	7,00	6.80	x
789	Lê Phan Anh	18125369	27/11/2000	7,60	8,90	8.30	x
790	Nguyễn Văn	17128146	12/01/1999	5,00	5,90	5.50	x
791	Nguyễn Anh	18145079	12/11/2000	6,40	6,30	6.40	x
792	Nguyễn Huy	18128179	02/03/2000	8,20	9,10	8.70	x
793	Nguyễn Phước	18124152	06/03/2000	7,60	9,40	8.50	x
794	Nguyễn Văn	18154125	28/08/2000	7,80	8,40	8.10	x
795	Nguyễn Xuân Đại	16112789	29/09/1997	6,40	10,00	8.20	x
796	Trần Bá	19125390	28/08/2001	9,20	8,90	9.10	x
797	Trần Duy	18118157		6,80	9,50	8.20	x
798	Vũ Thị Hồng	18126203	21/10/2000	6,20	5,30	5.80	x
799	Lê Phạm Nhật	18139219	04/10/2000	5,00	,00	2.50	
800	Đinh Đăng	19125427	17/03/2001	7,20	6,80	7.00	x
801	Huỳnh Quốc	19137079	20/11/2001	7,20	9,30	8.30	x
802	Đặng Minh	18118171		8,60	9,30	9.00	x
803	Đặng Minh	19138089	26/09/2001	7,60	6,90	7.30	x
804	Nguyễn Anh	16112381	24/04/1997	7,00	10,00	8.50	x
805	Nguyễn Lê	18125397	24/08/2000	7,20	7,50	7.40	x
806	Nguyễn Ngọc	19122300	28/05/2001	6,20	3,00	4.60	
807	Nguyễn Trương Anh	15122257	15/04/1997	6,20	7,30	6.80	x
808	Phạm Văn Minh	19112213	18/12/2000	7,80	6,30	7.10	x
809	Phạmminh	18124173	14/08/2000	6,60	8,50	7.60	x
810	Tống Văn	18118176		8,80	8,50	8.70	x
811	Huỳnh Thanh	19127064	14/07/2001	5,60	5,00	5.30	x
812	Lê Tiến	13115460	07/10/1993	6,20	3,40	4.80	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC**Đợt thi tháng 04 năm 2022****Môn thi: Excel - P2**

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
813	Nguyễn Nhật	Tùng	17120200	10/10/1999	6,40	6,50	6.50	x
814	Nguyễn Thanh	Tùng	19112215	17/01/2001	6,00	8,80	7.40	x
815	Nguyễn Minh	Tú	19114033	12/11/2001	7,80	9,00	8.40	x
816	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	14132257	31/05/1996	8,00	,90	4.50	
817	Nguyễn Thị Thanh	Tú	12125555	26/01/1993	6,60	5,00	5.80	x
818	Trần Cẩm	Tú	19122297	23/09/2001	7,20	4,40	5.80	
819	Trần Thị Cẩm	Tú	18139215	17/10/2000	5,20	7,60	6.40	x
820	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	19112217	07/12/2001	6,60	8,80	7.70	x
821	Lâm Thị Bích	Tuyền	19149102	12/07/2001	8,20	5,90	7.10	x
822	Đặng Thị Thanh	Tuyền	19112216	04/06/2001	7,80	8,60	8.20	x
823	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	17163079	08/11/1999	6,00	6,60	6.30	x
824	Nguyễn Huyền Thanh	Tuyền	20124545	05/11/2002	6,80	5,00	5.90	x
825	Nguyễn Thị Như	Tuyền	19128205	24/07/2001	6,00	8,10	7.10	x
826	Phan Thị Thanh	Tuyền	18120275		7,00	7,90	7.50	x
827	Trần Thị Bích	Tuyền	17112246	24/03/1999	8,60	7,40	8.00	x
828	Trần Thị Thanh	Tuyền	17128163	03/06/1999	7,40	6,80	7.10	x
829	Trần Thị Kim	Tuyền	19125435	03/08/2001	8,00	2,40	5.20	
830	Trương Kim	Tuyền	18122337		7,00	7,80	7.40	x
831	Bùi Xuân	Tuyền	18164025	22/10/2000	6,00	5,00	5.50	x
832	Đặng Thị Thanh	Tuyền	19126219	04/06/2001	7,80	9,90	8.90	x
833	Bùi Thị	Tuyệt	19122303	26/09/2001	7,80	8,90	8.40	x
834	Kỷ Thị	Tuyệt	18122338		7,40	7,00	7.20	x
835	Lương Thị Anh	Tuyệt	19122304	06/05/2001	4,80	4,00	4.40	
836	Nông Văn	Tý	18112369		8,60	7,80	8.20	x
837	Thạch Thị Sô	Tha	18125527	16/09/1999	7,00	8,30	7.70	x
838	Nguyễn Thị Xuân	Thắm	19125318	30/05/2001	6,80	4,10	5.50	
839	Võ Thị	Thật	17125271	16/09/1999	8,60	9,40	9.00	x
840	Võ Thành	Thân	17122140	20/09/1999	4,80	6,00	5.40	
841	Cù Thị Hồng	Thắm	19116108	04/09/2001	5,80	9,00	7.40	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
842	Võ Thị Ngọc	Thắm	19123128	17/05/2001	6,40	9,00	7.70	x
843	Dương Trần	Thắng	18163031	11/02/1999	4,00	1,00	2.50	
844	Hồ Quyết	Thắng	16112447	21/01/1998	6,20	8,60	7.40	x
845	Huỳnh Ngọc	Thạch	18112186		5,80	8,90	7.40	x
846	Nguyễn Tấn	Thanh	17124157	17/04/1999	5,60	,00	2.80	
847	Đặng Duy	Thanh	14111310	07/05/1996	6,20	6,30	6.30	x
848	Đỗ Thị Phương	Thanh	18125457	07/05/2000	7,00	4,00	5.50	
849	Thòng Tú	Thanh	16112704	28/08/1998	7,80	8,50	8.20	x
850	Trần Thị Thu	Thanh	18124136	26/10/2000	8,40	8,40	8.40	x
851	Huỳnh Chí	Thành	19137068	12/01/2001	7,60	8,00	7.80	x
852	Lê Hoàng	Thành	19124252	08/10/2001	7,60	7,50	7.60	x
853	Lê Nguyễn Tuấn	Thành	18118133		7,60	9,40	8.50	x
854	Lê Thiện	Thành	19154146	23/12/2001	6,80	9,00	7.90	x
855	Đào Minh	Thành	19153074	29/05/2001	6,80	8,60	7.70	x
856	Nguyễn Công	Thành	19137069	08/03/2001	7,20	10,00	8.60	x
857	Phạm Minh	Thành	19124253	23/02/2001	8,00	7,00	7.50	x
858	Tất Vĩnh	Thành	14132216	15/07/1996	6,60	5,00	5.80	x
859	Thái Minh	Thành	20124179	16/07/2002	7,20	6,00	6.60	x
860	Trịnh Tiến	Thành	19163038	16/07/2000	5,60	4,40	5.00	
861	Trương Thiếu	Thành	18112192		6,80	6,50	6.70	x
862	Diệp Nhựt	Thái	19116107	10/07/2001	5,80	5,90	5.90	x
863	Lương Văn	Thái	18118127		5,80	9,10	7.50	x
864	Nguyễn Văn	Thái	18131057	23/07/2000	6,40	6,90	6.70	x
865	Phạm Văn	Thái	18118128		9,20	9,10	9.20	x
866	Phan Quốc	Thái	18118129		8,00	8,60	8.30	x
867	Chi Bích	Thảo	18139180	01/05/2000	5,60	5,80	5.70	x
868	Huỳnh Thị	Thảo	19125326	16/10/2001	8,60	7,90	8.30	x
869	Lê Ngọc	Thảo	20122508	23/06/2002	8,60	10,00	9.30	x
870	Lê Ngọc	Thảo	15131120	13/03/1997	6,20	8,40	7.30	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC**Đợt thi tháng 04 năm 2022****Môn thi: Excel - P2**

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
871	Đinh Thùy Phương	Thảo	17111133	18/11/1999	8,20	9,00	8.60	x
872	Đỗ Thị Thanh	Thảo	19120182	21/09/2001	9,00	7,40	8.20	x
873	Đoàn Thị Ngọc	Thảo	18120214		8,40	9,00	8.70	x
874	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17125264	04/06/1999	5,20	3,00	4.10	
875	Nguyễn Hoài Thu	Thảo	18125486	04/06/2000	7,40	8,80	8.10	x
876	Nguyễn Thanh	Thảo	18124138	23/03/2000	8,00	8,60	8.30	x
877	Nguyễn Thị	Thảo	18128162	01/11/2000	5,40	5,30	5.40	x
878	Nguyễn Thị	Thảo	18111120		7,20	6,50	6.90	x
879	Nguyễn Thị Thu	Thảo	19122236	06/05/2001	7,60	9,50	8.60	x
880	Nguyễn Uyên	Thảo	19120186	01/10/2001	8,20	9,00	8.60	x
881	Trần Huỳnh Xuân	Thảo	17112267	24/08/1999	7,80	6,60	7.20	x
882	Trần Phương	Thảo	19122239	08/06/2001	7,20	7,90	7.60	x
883	Trần Thị	Thảo	19123134	08/05/2001	7,40	6,50	7.00	x
884	Trần Thị Phương	Thảo	17127067	04/04/1999	7,40	9,30	8.40	x
885	Trần Thị Thanh	Thảo	18112198		8,00	10,00	9.00	x
886	Võ Trần Thanh	Thảo	18123122	02/01/2000	6,00	7,60	6.80	x
887	Vũ Thị Ngọc	Thảo	20125693	08/09/2001	6,20	6,90	6.60	x
888	Hồ Đăng	Thi	19124263	05/02/2001	7,00	4,00	5.50	
889	Lê Thị Lệ	Thi	14125383	13/06/1996	6,80	9,90	8.40	x
890	Nguyễn Huỳnh	Thi	19116114	01/06/2001	3,20	4,00	3.60	
891	Nguyễn Thị Minh	Thi	18120220		7,60	9,50	8.60	x
892	Phạm Thị Ngọc	Thi	19128161	02/10/2000	6,60	7,00	6.80	x
893	Phùng Thị Thanh	Thi	19123137	25/06/2001	7,20	3,90	5.60	
894	Thái Thị Ngọc	Thi	19128162	15/08/2001	7,80	7,90	7.90	x
895	Trần Công	Thi	16112353	17/07/1998	4,80	,00	2.40	
896	Lê Minh	Thiện	19163042	27/04/2001	7,20	4,50	5.90	
897	Nguyễn Thành	Thiện	17113199	19/09/1999	6,80	6,90	6.90	x
898	Nguyễn Chí	Thiện	19116115	20/10/2001	7,60	8,90	8.30	x
899	Nguyễn Chí	Thiện	18118139		9,00	8,40	8.70	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
900	Đặng Thị Thu	Thiết	19123138	04/05/2001	7,80	6,00	6.90	x
901	Phan Ngọc	Thiên	19128163	13/01/2001	7,40	8,00	7.70	x
902	Trần Thuận	Thiên	19128238	18/08/2001	3,60	6,40	5.00	
903	Hà Ngọc Anh	Thư	17120173	05/02/1999	6,00	6,90	6.50	x
904	Hồ Thị Hà	Thư	19138076	12/08/2001	7,00	7,30	7.20	x
905	Lê Thị Thanh	Thư	16116295		5,80	7,10	6.50	x
906	Đặng Tường Anh	Thư	18120224		7,40	8,00	7.70	x
907	Nguyễn Bảo	Thư	18122277		7,80	8,60	8.20	x
908	Nguyễn Phạm Minh	Thư	19139159	01/02/2001	6,80	3,80	5.30	
909	Nguyễn Thị	Thư	19122253	23/05/2001	8,80	9,00	8.90	x
910	Nguyễn Thị Trang	Thư	18123131	18/02/2000	6,20	7,10	6.70	x
911	Nguyễn Thị Anh	Thư	19118230	02/11/2001	5,60	6,60	6.10	x
912	Nguyễn Thị Hoàng Minh	Thư	16125015	05/03/1998	8,00	7,00	7.50	x
913	Phạm Thị Minh	Thư	20116269	04/06/2002	6,60	6,30	6.50	x
914	Tạ Vũ Minh	Thư	19124274	13/10/2001	7,20	6,50	6.90	x
915	Trần Thị Minh	Thư	19122257	17/04/2001	7,60	6,80	7.20	x
916	Lê Thị Kim	Thoa	17113202	31/08/1999	6,60	8,10	7.40	x
917	Lê Thị Kim	Thoa	19123139	22/03/2001	7,00	7,80	7.40	x
918	Nguyễn Thị Kim	Thoa	19126172	15/10/2001	7,40	5,00	6.20	x
919	Nguyễn Thị Kim	Thoa	19120194	17/08/2000	8,80	9,30	9.10	x
920	Nguyễn Thị Mỹ	Thoa	19126173	20/06/2001	6,80	3,80	5.30	
921	Phan Thị Minh	Thoa	19125350	16/04/2001	8,00	6,80	7.40	x
922	Phạm Thanh	Thoại	19127054	05/02/2001	6,60	5,80	6.20	x
923	Nguyễn Đình	Thông	15138067	11/08/1997	5,40	7,00	6.20	x
924	Nguyễn Ngọc	Thông	17113277	03/12/1999	5,40	4,00	4.70	
925	Nguyễn Thành	Thông	19113151	19/05/2001	8,00	3,80	5.90	
926	Phạm Văn	Thông	16112357	18/03/1997	6,20	7,40	6.80	x
927	Võ Chí	Thông	18145070	28/01/2000	7,40	6,50	7.00	x
928	Bùi Thị	Thọ	20115268	12/02/2002	8,00	6,00	7.00	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
929	Đinh Trọng Thọ	14118070	14/01/1996	7,40	8,40	7.90	x
930	Nguyễn Hữu Thọ	18138084	12/09/2000	6,60	8,90	7.80	x
931	Bá Duy Thịnh	17118107	27/02/1999	7,40	4,50	6.00	
932	Võ Phú Thịnh	17124166	11/01/1999	4,40	2,80	3.60	
933	Võ Quốc Thịnh	16113201	04/04/1998	8,20	6,00	7.10	x
934	Vũ Đức Thịnh	18112205		7,60	8,90	8.30	x
935	Lê Thị Thương	17117070	15/12/1999	6,20	9,30	7.80	x
936	Lê Thị Cẩm Thương	17121022	18/10/1999	5,60	5,00	5.30	x
937	Đoàn Thị Mỹ Thương	18139189	02/01/2000	5,80	5,90	5.90	x
938	Ngô Thị Thúy Thương	19120200	25/09/2001	6,60	2,90	4.80	
939	Nguyễn Thị Mỹ Thương	13123288	12/10/1995	6,60	6,90	6.80	x
940	Phan Thị Thương	16112722	08/08/1998	7,20	5,60	6.40	x
941	Trần Thị Hồng Thương	19120202	07/11/2001	7,00	2,10	4.60	
942	Từ Thiện Trí Thức	17112210	15/12/1999	7,20	5,00	6.10	x
943	Hồ An Thơ	18125333	26/07/2000	8,00	6,90	7.50	x
944	Võ Thị Anh Thơ	17113201	17/08/1999	6,60	7,00	6.80	x
945	Bùi Minh Hoài Thu	20123203	05/09/2002	7,20	8,40	7.80	x
946	Danh Thị Kiều Thu	17127069	19/01/1999	5,60	9,30	7.50	x
947	Huỳnh Thị Cẩm Thu	19123140	03/07/2001	6,80	9,00	7.90	x
948	Lê Thị Hoài Thu	16112718	12/06/1998	6,00	6,40	6.20	x
949	Nguyễn Thị Thu	20128273	20/03/2002	8,60	7,50	8.10	x
950	Nguyễn Thị Diễm Thu	19122248	10/06/2001	8,00	6,50	7.30	x
951	Nguyễn Thị Lệ Thu	16112358	30/03/1998	9,20	9,40	9.30	x
952	Phạm Hoài Thu	17138052	29/07/1999	6,60	7,40	7.00	x
953	Giang Đại Thuận	18154121	31/12/2000	7,20	8,80	8.00	x
954	Trần Lê Triều Thuận	18138089	17/09/2000	4,60	3,00	3.80	
955	Phạm Thị Mỹ Thuật	17125461	03/01/1999	8,20	3,50	5.90	
956	Đinh Thị Kim Thùy	18163034	15/02/2000	7,20	9,10	8.20	x
957	Đào Thị Thúy	19125368	09/06/2001	8,60	7,00	7.80	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC**Đợt thi tháng 04 năm 2022****Môn thi: Excel - P2**

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
958	Ngô Thị Thanh	Thúy	19126277	11/05/2000	7,60	6,00	6.80	x
959	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	18125358	01/03/2000	7,60	9,10	8.40	x
960	Nguyễn Thị Minh	Thúy	15115161	16/06/1997	7,40	6,90	7.20	x
961	Phạm Thị Thanh	Thúy	19163044	25/12/2001	7,40	1,50	4.50	
962	Bùi Thanh	Thủy	19145092	04/11/2001	8,60	6,40	7.50	x
963	Nguyễn Thị Hương	Thủy	18120236		4,60	5,50	5.10	
964	Nguyễn Thị Kim	Thủy	15122210	26/05/1997	5,20	1,90	3.60	
965	Nguyễn Thị Thu	Thủy	20123210	22/01/2002	7,80	8,30	8.10	x
966	Trần Thị Lệ	Thuy	15122208	24/12/1997	5,40	7,00	6.20	x
967	Bùi Vũ Bảo	Thy	17128139	15/06/1999	5,80	8,10	7.00	x
968	Huỳnh Thị Anh	Thy	18116090		7,80	7,00	7.40	x
969	Huỳnh Thị Minh	Thy	17124183	03/07/1999	9,20	8,10	8.70	x
970	Nguyễn Thị Diễm	Thy	18114020		7,20	7,10	7.20	x
971	Trương Nguyễn Trúc	Thy	17128140	14/10/1999	9,00	9,50	9.30	x
972	Huỳnh Thị Bích	Trâm	18139198	15/10/2000	7,20	2,40	4.80	
973	Huỳnhmai	Trâm	18124153	10/04/2000	7,80	5,00	6.40	x
974	Lê Thị Ngọc	Trâm	19123158	27/08/2001	7,00	6,00	6.50	x
975	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	17126155	18/09/1999	8,60	9,50	9.10	x
976	Nguyễn Bích	Trâm	19139172	08/09/2001	7,40	5,30	6.40	x
977	Nguyễn Đặng Quỳnh	Trâm	18118219		8,20	10,00	9.10	x
978	Nguyễn Ngọc Minh	Trâm	19123160	05/08/2001	7,80	8,50	8.20	x
979	Nguyễn Thị Bích	Trâm	18122305		5,80	2,50	4.20	
980	Nguyễn Thị Mai	Trâm	19124290	23/11/2001	6,60	5,00	5.80	x
981	Trương Thị Bích	Trâm	19123162	08/04/2001	9,40	7,00	8.20	x
982	Trương Thị Hoa	Trâm	19113163	20/09/2001	7,60	6,90	7.30	x
983	Lê Thị Bảo	Trân	17132062	30/12/1999	7,40	8,30	7.90	x
984	Mai Phạm Huyền	Trân	20124517	22/01/2002	7,80	9,40	8.60	x
985	Đỗ Thị Tố	Trân	19139174	23/06/2001	6,40	10,00	8.20	x
986	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	18125461	19/10/2000	8,00	9,00	8.50	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC**Đợt thi tháng 04 năm 2022****Môn thi: Excel - P2**

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
987	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	18125378	09/10/2000	7,40	8,60	8.00	x
988	Nguyễn Thị Bảo	Trân	19126191	08/07/2001	6,60	8,80	7.70	x
989	Quách Ngọc Bích	Trân	18125380	24/11/2000	7,60	8,50	8.10	x
990	Trần Thị Quế	Trân	19122280	21/10/2001	6,40	,50	3.50	
991	Vũ Trúc Bảo	Trân	17128154	11/02/1999	5,60	3,90	4.80	
992	Biện Công	Trạng	19126199	19/05/2001	6,40	8,10	7.30	x
993	Diệp Võ Thu	Trang	18125384	25/10/2000	7,20	7,90	7.60	x
994	Mai Thị Huyền	Trang	19126193	18/11/2001	8,00	9,00	8.50	x
995	Nguyễn Phạm Thảo	Trang	19125403	10/09/2001	6,80	8,30	7.60	x
996	Nguyễn Quỳnh	Trang	19139176	06/12/2001	8,40	6,80	7.60	x
997	Nguyễn Thị Thu	Trang	18111131		6,20	7,40	6.80	x
998	Nguyễn Thị Huyền	Trang	19116135	30/04/2001	4,00	2,00	3.00	
999	Nguyễn Thị Kiều	Trang	19123167	18/05/2001	6,40	6,40	6.40	x
1000	Nguyễn Thị Thu	Trang	16163128	22/07/1998	8,40	8,50	8.50	x
1001	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19123168	23/02/2001	6,40	5,00	5.70	x
1002	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	16131259	25/01/1998	5,40	5,50	5.50	x
1003	Phạm Ngọc Thùy	Trang	19123169	12/08/2001	6,80	7,40	7.10	x
1004	Trịnh Thị Mai	Trang	16112457	19/02/1998	5,60	6,50	6.10	x
1005	Võ Thị Mỹ	Trang	17111151	30/01/1999	5,80	8,00	6.90	x
1006	Lưu Thị	Trà	17127079	28/12/1999	5,00	4,00	4.50	
1007	Nguyễn Thị	Trà	18120250		7,80	6,90	7.40	x
1008	Trương Minh	Trí	17126160	22/06/1999	7,20	7,90	7.60	x
1009	Hồ Đức	Trí	19116138	15/06/2001	7,60	5,50	6.60	x
1010	Huỳnh Lê Hữu	Trí	17125324	15/03/1999	6,60	9,10	7.90	x
1011	Huỳnh Thanh	Trí	15155074	02/07/1996	7,80	5,80	6.80	x
1012	Nguyễn Tấn	Trí	17139157	22/11/1999	7,80	7,40	7.60	x
1013	Nguyễn Minh	Trí	19124300	19/05/2001	7,40	6,00	6.70	x
1014	Nguyễn Trọng	Trí	18125388	17/12/2000	7,40	9,00	8.20	x
1015	Phan Thanh	Trí	17424044	16/10/1995	5,20	5,80	5.50	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
1016	Huỳnh Minh	Triết	15125267	21/04/1997	6,80	5,90	6.40	x
1017	Lâm Thị	Triều	19126280	02/06/2000	6,60	4,30	5.50	
1018	Nguyễn Hải	Triều	17137073	05/02/1999	7,80	9,50	8.70	x
1019	Nguyễn Hữu	Triều	18112228		7,40	5,30	6.40	x
1020	Đỗ Văn	Triệu	18118162		6,20	1,50	3.90	
1021	Hà Thị Tuyết	Trinh	17128158	20/08/1999	8,60	6,80	7.70	x
1022	Lê Thị Tú	Trinh	17132065	08/07/1999	7,40	8,90	8.20	x
1023	Nguyễn Thị	Trinh	18122324		8,00	8,40	8.20	x
1024	Nguyễn Thị Đan	Trinh	20126392	16/09/2002	8,60	8,40	8.50	x
1025	Phạm Nguyễn Phương	Trinh	17128159	05/12/1999	5,80	9,30	7.60	x
1026	Phạm Thị Lệ	Trinh	19122288	27/10/2001	8,20	2,50	5.40	
1027	Tạ Thị Anh	Trinh	19120229	15/07/2001	6,20	6,30	6.30	x
1028	Thạch Trương Mai	Trinh	18112366		5,40	6,00	5.70	x
1029	Trần Thị Mỹ	Trinh	20120325	25/03/2002	6,60	8,50	7.60	x
1030	Trương Ngọc Phương	Trinh	18125462	29/04/2000	6,80	9,10	8.00	x
1031	Trương Thị Tú	Trinh	19139189	06/04/2001	8,00	8,40	8.20	x
1032	Võ Nguyễn Thục	Trinh	18125490	25/09/2000	7,40	8,40	7.90	x
1033	Lò Duy	Trình	18149123	03/04/1999	6,40	6,10	6.30	x
1034	Nguyễn Trung	Trực	17145096	03/03/1999	7,20	8,60	7.90	x
1035	Vũ Huỳnh Minh	Trọng	17131142	04/08/1999	5,80	5,00	5.40	x
1036	Đỗ Phi	Trường	17122193	14/05/1999	7,40	8,10	7.80	x
1037	Nguyễn Văn	Trường	19145102	06/04/2000	7,20	2,50	4.90	
1038	Phan Võ Minh	Trường	17115125	01/01/1999	4,60	2,50	3.60	
1039	Lê Viết Chí	Trung	17149185	20/03/1999	6,80	9,00	7.90	x
1040	Đinh Thái Thành	Trung	19113171	06/01/2001	6,40	8,40	7.40	x
1041	Nguyễn Thị	Trung	17112367	30/12/1998	9,40	10,00	9.70	x
1042	Nguyễn Trọng	Trung	19138087	20/03/2001	5,80	8,30	7.10	x
1043	Trần Minh	Trung	18127064	15/10/2000	6,60	7,50	7.10	x
1044	Võ Thành	Trung	17113240	16/05/1999	6,00	1,00	3.50	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC**Đợt thi tháng 04 năm 2022****Môn thi: Excel - P2**

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
1045	Võ Duy	Trung	14124540	21/11/1995	5,20	6,30	5.80	x
1046	Dương Hoàng Thanh	Trúc	18125392	09/06/2000	7,20	8,00	7.60	x
1047	Dương Quỳnh Xuân	Trúc	18128195	05/04/2000	7,60	5,00	6.30	x
1048	Huỳnh Vũ Thanh	Trúc	17125333	30/06/1999	6,00	6,60	6.30	x
1049	Nguyễn Huỳnh Thanh	Trúc	18128196	09/11/2000	6,40	9,10	7.80	x
1050	Nguyễn Lê Bảo	Trúc	20125773	05/08/2002	6,20	6,90	6.60	x
1051	Nguyễn Thanh	Trúc	19139191	30/10/2001	6,60	7,80	7.20	x
1052	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	19125418	02/07/2001	7,40	8,00	7.70	x
1053	Phạm Ngọc Hoài	Trúc	17128160	25/03/1999	5,80	9,40	7.60	x
1054	Trần Thị Minh	Trúc	19120233	01/01/2001	7,20	3,80	5.50	
1055	Trương Thị Thanh	Trúc	17112270	01/08/1999	8,00	7,10	7.60	x
1056	Trương Thanh	Trúc	19122291	23/10/2001	6,80	5,30	6.10	x
1057	Võ Thị Thanh	Trúc	18149102	22/03/2000	6,60	2,50	4.60	
1058	Trần Thanh	Truyền	15127145	04/05/1997	6,80	7,60	7.20	x
1059	Lê Trần Anh	Truyền	18128198	17/11/2000	6,60	7,90	7.30	x
1060	Huỳnh Thị Phương	Uyên	19125537	22/11/2001	6,00	5,90	6.00	x
1061	Nguyễn Gia	Uyên	17112406		7,80	5,00	6.40	x
1062	Nguyễn Lê Tố	Uyên	18125492	17/12/2000	5,40	9,00	7.20	x
1063	Nguyễn Thị Hoàng	Uyên	18125407	10/02/2000	6,80	8,50	7.70	x
1064	Nguyễn Thị Xuân	Uyên	18111140		4,40	,00	2.20	
1065	Nguyễn Thị Hoàng	Uyên	14125758	04/11/1996	7,20	8,40	7.80	x
1066	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	19125440	02/03/2001	7,00	6,50	6.80	x
1067	Võ Hoàng	Uyên	18120283		4,80	8,40	6.60	
1068	Danh Thị Cẩm	Vân	18149110	02/08/2000	6,80	2,40	4.60	
1069	Nguyễn Thị Thu	Vân	17113255	16/08/1999	5,20	,00	2.60	
1070	Nguyễn Thị Thúy	Vân	19125444	21/01/2001	8,40	5,40	6.90	x
1071	Văng Nguyễn Hải	Vân	19116146	31/10/2000	6,20	6,40	6.30	x
1072	Huỳnh Thị Trúc	Vi	19122314	09/10/2001	8,60	10,00	9.30	x
1073	Lê Thị Tường	Vi	20120133	17/08/2002	7,60	7,30	7.50	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
1074	Nguyễn Thị Tường Vi	17125355	16/11/1999	5,00	5,40	5.20	x
1075	Nguyễn Tường Vi	20126410	10/11/2002	5,20	6,50	5.90	x
1076	Nguyễn Thị Hồng Vi	19124323	09/01/2001	7,40	7,50	7.50	x
1077	Phạm Thị Ly Vi	17628024	26/09/1990	9,20	8,90	9.10	x
1078	Thân Thị Tường Vi	19124326	01/02/2001	6,40	5,30	5.90	x
1079	Trương Thúy Vi	19126228	01/10/2001	5,80	5,50	5.70	x
1080	Cao Thanh Việt	17149197	31/01/1999	5,80	7,40	6.60	x
1081	Nguyễn Anh Việt	18139223	20/03/2000	7,60	8,40	8.00	x
1082	Trần Bảo Việt	15113192	20/03/1996	5,80	,00	2.90	
1083	Lê Thị Ngọc Vinh	18112251		7,60	8,40	8.00	x
1084	Hoàng Trần Ngọc Vinh	16112793	16/08/1998	6,60	5,40	6.00	x
1085	Ksor H' Vinh	17112271	21/04/1998	8,20	6,00	7.10	x
1086	Đỗ Đình Thanh Vinh	17149200	19/11/1999	5,80	8,50	7.20	x
1087	Đỗ Văn Vinh	14112540	19/11/1996	7,80	7,40	7.60	x
1088	Nguyễn Phúc Vinh	18111142		4,40	1,50	3.00	
1089	Trương Thế Vinh	19138091	08/01/2001	8,00	6,50	7.30	x
1090	Hứa Chung Vĩ	17113258	10/01/1999	5,00	3,50	4.30	
1091	Thủy Ngọc Vĩnh	19124329	16/01/2001	7,80	5,00	6.40	x
1092	Hoàng Minh Vương	16112760	02/07/1998	7,40	5,40	6.40	x
1093	Huỳnh Thường Vương	19145106	02/01/2001	8,00	8,50	8.30	x
1094	Nguyễn Ngọc Vương	19111146	26/07/2001	7,80	6,40	7.10	x
1095	Phan Hoàng Vũ	17149202	30/04/1999	7,00	5,80	6.40	x
1096	Phan Trọng Vũ	19127071	29/08/2001	7,80	9,00	8.40	x
1097	Từ Trường Vũ	19137082	23/03/2001	6,80	6,90	6.90	x
1098	Lê Giang Phương Vy	18128215	25/11/2000	5,60	3,00	4.30	
1099	Đặng Cẩm Vy	19122319	01/01/2001	5,80	6,30	6.10	x
1100	Nguyễn Thị Ai Vy	17123133	08/12/1999	7,40	6,40	6.90	x
1101	Nguyễn Thị Thúy Vy	17139174	23/08/1999	8,20	8,60	8.40	x
1102	Nguyễn Ngọc Tường Vy	19125454	25/07/2001	8,60	8,30	8.50	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
1103	Nguyễn Thị Lệ Vy	19123185	30/03/2001	7,80	8,00	7.90	x
1104	Nguyễn Thị Ngọc Vy	19123186	08/07/2001	6,80	9,00	7.90	x
1105	Nguyễn Thị Thúy Vy	16115211	21/05/1998	7,60	7,90	7.80	x
1106	Phạm Triệu Vy	19125456	23/04/2001	6,80	8,00	7.40	x
1107	Phan Minh Vy	18115119		6,20	7,90	7.10	x
1108	Thái Hồ Trúc Vy	19122321	15/09/2001	7,60	8,90	8.30	x
1109	Lâm Tuấn Vỹ	19118284	15/05/2001	6,60	9,00	7.80	x
1110	Phan Thị Xinh	18122369		7,80	5,80	6.80	x
1111	Đặng Thị Tú Xương	19139210	06/01/2001	6,40	5,00	5.70	x
1112	Hà Kiều Xuân	19122322	03/09/2001	7,60	5,00	6.30	x
1113	Lê Thị Xuân	16116243	07/06/1998	4,80	2,90	3.90	
1114	Nguyễn Phạm Thanh Xuân	17128179	13/05/1999	6,60	9,10	7.90	x
1115	Nguyễn Thị Thanh Xuân	18125433	06/04/2000	8,00	8,10	8.10	x
1116	Hồng ngọc Xuyến	18125468	13/11/2000	7,20	9,50	8.40	x
1117	Võ Thị Kim Xuyến	19139211	22/10/2001	7,40	4,00	5.70	
1118	Lai Bảo Xuyến	18128220	06/10/2000	7,80	8,40	8.10	x
1119	Nguyễn Anh Xuyến	19122324	13/06/2001	8,20	9,00	8.60	x
1120	Hà Thị Yến	15124367	17/03/1997	5,20	5,00	5.10	x
1121	Lê Thị Hồng Yến	20120145	14/06/2002	9,20	6,50	7.90	x
1122	Lưu Kim Yến	18122375		6,00	5,80	5.90	x
1123	Nguyễn Thị Kim Yến	17122218	23/02/1999	6,20	5,00	5.60	x
1124	Nguyễn Thanh Ngọc Yến	19112239	01/01/2001	6,20	7,10	6.70	x
1125	Nguyễn Thị Hoàng Yến	18117086		5,40	4,40	4.90	
1126	Nguyễn Thị Kim Yến	18120301		7,40	2,00	4.70	
1127	Nguyễn Thị Kim Yến	19122330	21/02/2000	7,60	7,30	7.50	x
1128	Trần Kim Yến	18112263		6,20	5,30	5.80	x
1129	Phạm Huỳnh Phúc Yên	19118285	26/02/2001	7,00	5,00	6.00	x
1130	Dương Bảo Y	17153081	07/01/1999	7,60	3,90	5.80	
1131	Lê Thị Như Y	19139212	08/04/2001	8,00	8,10	8.10	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: Excel - P2

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P2_EXTN	P2_EXTH	ĐIỂM	Đạt
1132	Lê Thị Như Y	19122326	18/03/2001	7,80	5,40	6.60	x
1133	Ngô Lê Như Y	18111148		8,40	9,30	8.90	x
1134	Nguyễn Như Y	17114071	21/10/1999	5,20	7,00	6.10	x
1135	Nguyễn Thị Như Y	19122327	28/10/2001	8,60	8,90	8.80	x
1136	Phan Thị Y	19113184	10/09/2001	7,80	3,50	5.70	
1137	Trần Thị Như Y	18139232	30/03/2000	7,00	4,50	5.80	

TRUNG TÂM TIN HỌC